

BỘ 10 ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 MÔN ĐỊA LÍ 12 CÓ ĐÁP ÁN**1. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 1****TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN****ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1****MÔN ĐỊA LÍ 12****NĂM HỌC 2020 – 2021****Thời gian: 45 phút****Câu 1.** Khu vực đồi núi có địa hình cao nhất nước ta là:

- A. Đông Bắc
- B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc
- D. Trường Sơn Nam

Câu 2. Diện tích rừng giảm, ô nhiễm môi trường (nhất là môi trường nước), đánh bắt bừa bãi là những nguyên nhân chính gây nên sự

- A. Nhiều loài bị tuyệt chủng
- B. Nhiều loài có nguy cơ tuyệt chủng
- C. Các kiểu hệ sinh thái bị giảm sút
- D. Suy giảm đa dạng sinh học

Câu 3. Các loại gió chính hoạt động ở nước ta là

- A. Gió Mùa và Gió Tín Phong
- B. Gió mùa Tây Nam và Gió Mậu Dịch
- C. Gió Tín phong và Gió mùa Tây Nam
- D. Gió Mùa Đông Bắc và Gió mùa Tây Nam

Câu 4. Loại gió gây khô nóng ở Đông Trường Sơn là

- A. Gió Đông Bắc
- B. Gió Tây khô nóng (gió Lào)
- C. Gió Tây Nam
- D. Gió Tín phong

Câu 5. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 10. Cho biết Sông Sài Gòn đổ ra biển qua cửa nào sau đây

- A. Cửa Đại
- B. Cửa Ba Lai
- C. Cửa Tiểu
- D. Cửa Soi Rạp (Soài Rạp)

Câu 6. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Cho biết tên các cao nguyên đá vôi của vùng Tây Bắc

- A. CN Sơn La, CN Lai Châu, CN Mộc Châu, CN Sín Chải
- B. CN Tà phình, CN Sín Chải, CN Sơn La, CN Mộc Châu
- C. CN Mộc Châu, CN Lai Châu, CN Tà Phình, CN Sơn La
- D. CN Tà Phình, CN Lai Châu, CN Mộc Châu, CN Sơn La

Câu 7. Tây Nguyên có một mùa khô là do

- A. Gió Tín Phong B. Gió Tây nam
C. Gió Lào D. Gió Tín Phong bị biến tính

Câu 8. Chế độ mưa có ảnh hưởng như thế nào đến chế độ nước sông

- A. Nhiều nước, giàu phù sa B. Điều hòa
C. Chế độ nước theo mùa D. Thất thường

Câu 9. Nhiệt độ trung bình năm của phần lãnh thổ phía Bắc là

- A. Trên 20°C B. Trên 25°C C. Dưới 25°C D. Dưới 20°C

Câu 10. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết ở nước ta Bão hoạt động mạnh nhất vào tháng nào sau đây

- A. Tháng 6 B. Tháng 9 C. Tháng 8 D. Tháng 7

Câu 11. Diện tích rừng ngập mặn của nước ta là

- A. 405.000 ha B. 504.000 ha C. 540.000 ha D. 450.000 ha

Câu 12. Cho bảng số liệu: Lượng mưa trung bình tại hai địa điểm

Địa điểm	Lượng mưa (mm)	Lượng bốc hơi (mm)	Cân bằng ẩm (mm)
Hà Nội	1676	989	687
TP. Hồ Chí Minh	1931	1686	245

Thành phố Hồ Chí Minh có lượng mưa cao hơn Hà Nội vì

- A. Do nằm ven Biển và mưa bão cùng với dải hội tụ nhiệt đới
B. Giáp Biển, nhận trực tiếp gió Mùa Tây Nam, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới
C. Có nhiều sườn núi đón gió, gần xích đạo, hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới
D. Do hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới, đón gió Mùa Đông Bắc

Câu 13. Vì sao địa hình đồi núi ở nước ta bị xâm thực mạnh mẽ

- A. Mưa nhiều, quá trình phong hóa mạnh B. Mưa nhiều, mất lớp phủ thực vật
C. Địa hình có độ cao và độ dốc lớn, nền nhiệt ẩm cao
D. Mất lớp phủ thực vật, dòng chảy mạnh

Câu 14. Đổ bộ trực tiếp vào nước ta làm thiệt hại nặng nề về người và tài sản đó là

- A. Cát bay B. Bão C. Sạt lở bờ biển D. Gió Lào

Câu 15. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết tên các vùng khí hậu của Miền khí hậu phía Nam

- A. Vùng khí hậu Nam Trung bộ, vùng khí hậu Tây Bắc Bộ
B. Vùng khí hậu Tây Nguyên, Vùng khí hậu Nam Bộ
C. Vùng khí hậu Nam Bộ, vùng khí hậu Đông Bắc Bộ
D. Vùng khí hậu Nam Trung bộ, Vùng khí hậu Tây Nguyên, Vùng khí hậu Nam Bộ

Câu 16. Sông ngắn dốc, nước lên xuống nhanh, sông có hướng Tây Đông và hướng Tây Bắc Đông Nam là đặc điểm của sông ngòi khu vực

A. Trường Sơn Bắc **B.** Trường Sơn Nam **C.** Tây Bắc **D.** Đông Bắc

Câu 17. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 14. Cho biết đỉnh LangBiang nằm trên cao nguyên nào sau đây

A. Di Linh **B.** Lâm Viên **C.** Mơ Nông **D.** Đắc Lắc

Câu 18. Các dạng địa hình: Bờ biển mài mòn, các tam giác châu, các vịnh nước sâu... Ở vùng ven biển là do quá trình:

A. Phong hóa **B.** Bóc mòn **C.** Xâm thực và bồi tụ **D.** Bồi tụ

Câu 19. Dãy Bạch Mã là ranh giới tự nhiên của khu vực địa hình nào?

A. Phần lãnh thổ phía Bắc và phần lãnh thổ phía Nam

B. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam

C. Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ

D. Huế và Đà Nẵng

Câu 20. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Các cánh cung Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều thuộc khu vực đồi núi vùng

A. Đông Bắc **B.** Trường Sơn Nam **C.** Trường Sơn Bắc **D.** Tây Bắc

Câu 21. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 9. Cho biết gió mùa mùa Hạ có hướng nào sau đây

A. Đông Bắc **B.** Tây Bắc **C.** Tây Nam **D.** Đông Nam

Câu 22. Nguyên nhân gây mưa lớn cho Nam Bộ và Tây Nguyên vào thời kỳ đầu mùa hạ là do ảnh hưởng của khối khí

A. Khối khí lạnh phương Bắc **B.** Bắc Ấn Độ Dương

C. Cận chí tuyến Bán cầu Bắc **D.** Cận chí tuyến Bán cầu Nam

Câu 23. Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới Bán cầu Bắc, nên

A. Chịu ảnh hưởng sâu sắc của Biển **B.** Có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá

C. Khí hậu có 4 mùa rõ rệt **D.** Có nền nhiệt độ cao

Câu 24. Các sản phẩm của tự nhiên do quá trình phong hóa mạnh ở miền núi đá vôi là dạng địa hình

A. Cacxto **B.** Mài mòn **C.** Thổi mòn **D.** Xâm thực

Câu 25. Đặc điểm địa hình vùng núi Đông Bắc

A. Địa hình cao nhất nước, hướng núi Tây Bắc Đông Nam

B. Địa hình gồm các khối núi và cao nguyên, hướng núi vòng cung

C. Núi có độ cao trung bình, hướng núi hình cánh cung

D. Địa hình cao ở hai đầu, thấp ở giữa, hướng núi Tây Bắc Đông Nam

Câu 26. Cho bảng số liệu: Nhiệt độ trung bình năm tại một số địa điểm

Địa điểm	Lạng Sơn	Hà nội	Huế	Đà Nẵng	Quy Nhơn	TP. Hồ Chí Minh
Nhiệt độ TB (°C)	21,2	23,5	25,1	25,7	26,8	27,1

Từ đó rút ra kết luận: Nhiệt độ trung bình năm tại các địa điểm từ Huế trở ra Bắc và từ Đà Nẵng trở vào Nam lần lượt là

- A. Trên 20°C và trên 25°C
- B. Trên 20°C và dưới 25°C
- C. Dưới 20°C và dưới 25°C
- D. Dưới 20°C và trên 25°C

Câu 27. Sách đỏ Việt Nam là:

- A. Danh sách các loài động vật, thực vật hoang dã bị giảm sút
- B. Danh sách các loại động vật, thực vật quý hiếm
- C. Danh sách các loài động vật, thực vật ở Việt Nam thuộc loài quý hiếm đang bị giảm sút số lượng hoặc có nguy cơ tuyệt chủng
- D. Danh sách các loài động thực vật bị tuyệt chủng

Câu 28. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 11. Cho biết diện tích đất mặn ở nước ta tập trung chủ yếu ở đồng bằng nào sau đây

- A. Đồng bằng Duyên hải Nam Trung Bộ
- B. Đồng bằng Sông Hồng
- C. Đồng bằng Bắc Trung Bộ
- D. Đồng bằng Sông Cửu Long

Câu 29. Rừng ngập mặn Cần Giờ ở TP. Hồ Chí Minh là:

- A. Rừng đặc dụng B. Rừng mới phục hồi C. Rừng phòng hộ D. Rừng sản xuất

Câu 30. Địa hình tương phản, núi cao ở phía Đông, phía Tây là các cao nguyên bazan tương đối bằng phẳng thuộc khu vực

- A. Đông Bắc B. Tây Bắc
- C. Trường Sơn Bắc D. Trường Sơn Nam

Câu 31. Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển Miền Trung

- A. Được hình thành chủ yếu bởi Biển B. Đất phù sa màu mỡ
- C. Đất nhiều cát, ít phù sa D. Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ

Câu 32. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Các dãy núi Hoàng Liên Sơn, Pu Đen Đinh, Pu Sam sao, Hoàng Sơn, Bạch Mã có hướng nào sau đây

- A. Tây Bắc B. Tây Đông C. Tây Bắc Đông Nam D. Vòng cung

Câu 33. "Sống chung với lũ" là câu nói thường dùng chỉ hoạt động kinh tế ở vùng nào?

- A. Đồng bằng Sông Cửu Long B. Đồng bằng Duyên Hải Miền Trung
C. Đông Nam Bộ D. Đồng bằng Sông Hồng

Câu 34. Khoáng sản có giá trị nhất của vùng Biển nước ta là

- A. Cát B. Muối C. Titan D. Dầu khí

Câu 35. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13. Cho biết độ cao của đỉnh núi Phanxipăng

- A. 3413 m B. 3143 m C. 3314 m D. 3134 m

Câu 36. Khu vực nào sau đây chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió Mùa mùa Đông

- A. Hoàng Liên Sơn B. Tây Bắc
C. Đồng Bằng Sông Hồng D. Đông Bắc

Câu 37. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 10. Cho biết tên diện tích lưu vực sông lớn nhất nước ta

- A. Sông Đồng Nai B. Sông Mê Kông (Việt nam)
C. Sông Hồng D. Sông Thái Bình

Câu 38. Cho bảng số liệu sau: Diện tích rừng Việt nam giai đoạn 1943 -2005

Năm	Tổng diện tích có rừng (triệu ha)	Diện tích rừng tự nhiên (triệu ha)	Diện tích rừng trồng (triệu ha)	Độ che phủ (%)
1943	14,3	14,3	0	43,0
1983	7,2	6,8	0,4	22,0
2005	12,7	10,2	2,5	38,0

Nhận xét nào đúng với bảng số liệu trên

- A. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 có sự biến động
B. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 luôn giảm
C. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 ổn định
D. Diện tích rừng nước ta thời kỳ 1943 - 2005 luôn tăng

Câu 39. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 11. Cho biết nhóm đất chiếm diện tích lớn nhất nước ta là

- A. Nhóm đất phù sa B. Nhóm đất khác
C. Nhóm đất xám D. Nhóm đất feralit

Câu 40. Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 4 và 5. Cho biết nơi bắt đầu và kết thúc của đường bờ biển nước ta

- A. Từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Hà Tiên (Kiên Giang)
B. Từ Quảng Ninh đến Kiên Giang
C. Từ Quảng Ninh đến Cà Mau

D. Từ Móng Cái (Quảng Ninh) đến Xóm Mũi (Cà mau)

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 1

1B	2D	3A	4B	5D	6B	7D	8C	9A	10B
11D	12B	13C	14B	15D	16A	17B	18C	19B	20A
21C	22B	23D	24A	25C	26A	27C	28D	29C	30D
31B	32A	33A	34D	35B	36D	37C	38A	39D	40A

2. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 2

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYỀN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Nhiệt độ trung bình năm của Việt Nam là:

- A. 20°C B. >25°C C. 18-22°C D. 22-27°C

Câu 2: Thuận lợi nhất của khí hậu nước ta đối với sự phát triển kinh tế là:

- A. Thúc đẩy sự đầu tư đối với sản xuất nông nghiệp.
 B. Phát triển một nền nông nghiệp đa dạng và phong phú.
 C. Giao thông vận tải hoạt động thuận lợi quanh năm.
 D. Đáp ứng tốt việc tưới tiêu cho nông nghiệp.

Câu 3: Khả năng mở rộng diện tích đất nông nghiệp ở đồng bằng sông Hồng hiện nay là:

- A. Còn nhiều khả năng.
 B. Khoảng 10 nghìn ha đất hoang hoá có thể cải tạo được.
 C. Không thể mở rộng được.
 D. Rất hạn chế.

Câu 4: Nguyên nhân nào làm cho thiên nhiên Việt Nam khác hẳn với thiên nhiên các nước có cùng vĩ độ ở Tây á, Đông Phi và Tây Phi?

- A. Do đất nước hẹp ngang, trải dài trên nhiều vĩ độ.
 B. Do nước ta có khí hậu gió mùa
 C. Do Việt Nam nằm trong khu vực nhiệt đới
 D. Do Việt Nam có biển Đông

Câu 5: Do nước ta nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới bán cầu Bắc nên:

- a. Nền nhiệt độ cao, số giờ nắng nhiều.
 b. Khí hậu có 2 mùa rõ rệt.

- c. Sinh vật chịu lạnh chiếm ưu thế.
- d. Có sự phân hoá tự nhiên theo lãnh thổ rõ rệt.

Câu 6: Vị trí địa lí đem đến thuận lợi gì đối với sự phát triển KT-XH nước ta:

- a. Có chung biển Đông với các nước trong khu vực.
- b. Mở rộng mối quan hệ với các nước khác .
- c. Tạo sự phân hoá đa dạng về tự nhiên
- d. Phát triển nền nông nghiệp cận nhiệt đới.

Câu 7: Đồng bằng sông Cửu Long chiếm bao nhiêu diện tích là đất mặn và đất phèn:

- A. 1/3 diện tích tự nhiên
- B. 2/3 diện tích tự nhiên
- C. Toàn bộ diện tích tự nhiên
- D. Không có đất mặn và đất phèn

Câu 8: Phần lớn đường biên giới trên đất liền của nước ta nằm ở khu vực:

- A. Đồng bằng.
- B. Trung du.
- C. Nhiều sông suối.
- D. Miền núi.

Câu 9: Vị trí địa lí đã quy định đặc điểm cơ bản của thiên nhiên nước ta là:

- A. Nhiệt đới ẩm.
- B. Nhiệt đới khô.
- C. Nhiệt đới ẩm gió mùa.
- D. Nhiệt đới gió mùa.

Câu 10: Nước ta có các tỉnh - thành phố giáp biển là:

- A. 26 tỉnh - thành phố
- B. 27 tỉnh - thành phố
- C. 28 tỉnh - thành phố
- D. 29 tỉnh - thành phố

Câu 11: Đặc điểm nào không phải đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta

- A. Đất nước nhiều đồi núi
- B. Địa hình chịu sự tác động của con người
- C. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. Thiên nhiên phân hoá đa dạng

Câu 12: Đâu là hạn chế lớn nhất của khu vực đồng bằng:

- A. Nhiều thiên tai: lũ lụt, ngập úng, bão.
- B. Sườn dốc, bị chia cắt mạnh trở ngại cho khai thác tài nguyên và giao lưu kinh tế.
- C. Dễ xảy ra lũ quét, xói mòn.
- D. Đất trọt, đá lở, động đất, sương muối.

Câu 13. Thuận lợi của khu vực đồi núi là:

- A. Cung cấp nguồn lợi thủy hải sản.
- B. Là nơi tập trung các thành phố, khu công nghiệp, trung tâm thương mại.
- C. Phát triển giao thông đường bộ, đường sông
- D. Khí hậu mát mẻ, cảnh quan đẹp nên có tiềm năng du lịch sinh thái.

Câu 14: Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển miền Trung là:

- A. Hẹp ngang, bị chia cắt.
- B. Đất nhiều cát, ít phù sa.
- C. Chủ yếu do phù sa biển bồi đắp.
- D. Đất phù sa màu mỡ.

Câu 15: Trở ngại lớn nhất của địa hình đồi núi đối với việc phát triển KT-XH nước ta là:

- A. Có nhiều cao nguyên, sơn nguyên.
- B. Hướng chính là Tây Bắc-Đông Nam.
- C. Bị chia cắt mạnh, nhiều hẻm vực.
- D. Các cao nguyên xếp tầng.

Câu 16. Nhận định chưa chính xác về đồng bằng sông Cửu Long là:

- A. Đồng bằng lớn nhất
- B. Đồng bằng trũng thấp.
- C. Phù sa bồi thường xuyên
- D. Đồng bằng phù sa sông và biển

Câu 17: Thế mạnh lớn nhất của khu vực đồng bằng để phát triển KT-XH nước ta là:

- A. Chăn nuôi và nuôi trồng
- B. Trồng cây lương thực
- C. Phát triển GTVT biển
- D. Tập trung nhiều cảng biển

Câu 18: Nguồn tài nguyên khoáng sản có ý nghĩa qquan trọng nhất ở biển Đông nước ta là:

- A. Sa khoáng
- B. Muối

C. Dầu mỏ

D. Ti tan

Câu 19: nhận định nào chưa chính xác về đặc điểm của biển Đông:

A. Nhiệt độ nước biển thấp

B. Có tính chất nhiệt đới gió mùa

C. Giàu tài nguyên khoáng sản và hải sản

D. Vùng biển rộng và tương đối kín

Câu 20: 15000 km² là diện tích của đồng bằng :

A. Đồng Bằng sông Cửu Long

B. Đồng bằng sông Hồng

C. Đồng bằng Bắc Trung Bộ

D. Đồng bằng Nam Trung Bộ

Câu 21: Nhận định chưa chính xác về đồng bằng ven biển miền Trung là:

A. Hẹp ngang, bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ.

B. Đất nhiều cát, ít phù sa.

C. Chủ yếu do phù sa biển bồi đắp

D. Đất phù sa màu mỡ, phì nhiêu

Câu 22: Vùng núi nào dưới đây có hướng vòng cung:

A. Vùng núi Đông Bắc và Tây Bắc

B. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc

C. Vùng núi Đông Bắc và Trường Sơn Nam

D. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Nam

Câu 23: Diện tích đồng bằng chiếm :

A. 25%

B. 50%

C. 75%

D. 85%

Câu 24: Năm 2007, Việt Nam trở thành thành viên của tổ chức :

A. ASEAN (Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á)

B. WTO (Tổ chức thương mại thế giới)

C. APEC (Hiệp hội các quốc gia Châu Á - Thái Bình Dương)

D. OPEC (Hiệp hội dầu mỏ quốc tế)

Câu 25: 109°24'Đ là điểm cực nào của nước ta

- A. Cực Bắc
- B. Cực Nam
- C. Cực Đông
- D. Cực Tây

Câu 26: Phần lãnh thổ đất liền của nước ta tiếp giáp với các quốc gia:

- A. Lào, Thái Lan, Trung Quốc
- B. Thái Lan, Cam-pu-chia, Trung Quốc
- C. Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan
- D. Lào, Cam-pu-chia, Trung Quốc

Câu 27: Tổng chiều dài đường biên giới nước ta :

- A. 4600km
- B. 4700km
- C. 4800km
- D. 4900km

Câu 28: 3260km là độ dài của:

- A. Các con sông nước ta
- B. Đường bờ biển nước ta
- C. Đường quốc lộ 1A
- D. Đường biên giới với Lào

Câu 29: Gió mùa Đông Bắc có đặc điểm :

- A. Lạnh khô vào đầu mùa
- B. Mát mẻ, mưa nhiều
- C. Nóng ẩm, mưa nhiều
- D. Đầu mùa lạnh ẩm

Câu 30 : Vùng đất (Diện tích đất liền và các hải đảo) nước ta là:

- A. 330.212km²
- B. 332.212 km².
- C. 331.212 km².
- D. 333.212 km².

Câu 31: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2000-2010 (ĐV%)

Năm	2000	2002	2005	2010

Nhà nước	11,7	9,5	9,5	10,4
Ngoài nhà nước	87,3	89,4	88,9	86,1
Có vốn đầu tư nước ngoài	1,0	1,1	1,6	3,5

Để thể hiện : Cơ cấu lao động đang làm việc phân theo thành phần kinh tế của nước ta giai đoạn 2000-2010 ta vẽ biểu đồ:

- A. Biểu đồ cột
- B. Biểu đồ tròn
- C. Biểu đồ đường
- D. Biểu đồ miền

Câu 32: Giới hạn vùng núi nào nằm giữa sông Cả và dãy Bạch Mã

- A. vùng núi Đông Bắc
- B. vùng núi Tây Bắc
- C. vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 33: Núi thấp chiếm bao nhiêu % địa hình nước ta:

- A. 65 %
- B. 75%
- C. 85%
- D. 95%

Câu 34: Tổng số giờ nắng nước ta đạt:

- A. 1.400 – 3.000 giờ/năm.
- B. 1.200 – 3.000 giờ/năm.
- C. 1.000 – 3.500 giờ/năm.
- D. 1500 - 4000 giờ / năm

Câu 35: Lãnh hải là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển có chiều dài:

- A. 10 hải lí
- B. 12 hải lí
- C. 14 hải lí
- D. 16 hải lí

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 2

Câu	Đáp án
-----	--------

1	A.
2	B.
3	D.
4	D.
5	A.
6	B.
7	B.
8	D.
9	C.
10	C.
11	B.
12	A.
13	D.
14	D.
15	C.
16	D.
17	B.
18	C.
19	A.
20	B.
21	D.
22	C.

23	A.
24	B.
25	C.
26	D.
27	A.
28	B.
29	A.
30	C.
31	D.
32	C.
33	C.
34	A.
35	B.

3. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 3

TRƯỜNG THPT LÝ TỰ TRỌNG

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Đường lối đổi mới của nước ta được khẳng định từ năm:

- A. 1986
- B. 1987
- C. 1988
- D. 1989

Câu 2: Việt Nam và Hoa Kỳ bình thường hóa quan hệ vào năm:

- A. 1993

- B. 1994
- C. 1995
- D. 1996

Câu 3: Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) vào năm nào:

- A. 2004
- B. 2005
- C. 2006
- D. 2007

Câu 4. Quốc gia nào sau đây không có đường biên giới trên đất liền với Việt Nam.

- A. Trung Quốc.
- B. Lào.
- C. Thái Lan.
- D. Campuchia.

Câu 5. Điểm cực Tây của nước ta nằm ở ?

- A. xã Sín Thầu – Mường Nhé – Điện Biên.
- B. xã Apachải - Mường Tè – Lai Châu.
- C. xã Sín Thầu – Mường Tè – Lai Châu.
- D. xã Apachải - Mường Nhé – Điện Biên.

Câu 6. Đại bộ phận lãnh thổ nước ta nằm trong múi giờ:

- A. Thứ 3
- B. Thứ 5
- C. Thứ 7
- D. Thứ 9

Câu 7. Đường biên giới của nước ta với Lào dài khoảng

- A. 1400km
- B. 1080km
- C. 1076km
- D. 2076km

Câu 8. So với diện tích đất đai nước ta, địa hình đồi núi chiếm:

- A. 5/6 diện tích
- B. 4/5 diện tích
- C. 3/4 diện tích

D. 2/3 diện tích

Câu 9. Hướng vòng cung là hướng chính của:

- A. Vùng núi Đông Bắc.
- B. Các hệ thống sông lớn.
- C. Dãy Hoàng Liên Sơn.
- D. Vùng núi Bắc Trường Sơn.

Câu 10. Ranh giới tự nhiên của trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam là dãy:

- A. Hoàng Sơn
- B. Bạch Mã
- C. Ngân Sơn
- D. Hoàng Liên Sơn

Câu 11. Đất mặn, đất phèn chiếm 2/3 diện tích tự nhiên là đặc điểm của:

- A. Đồng bằng sông Hồng
- B. Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Các đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ
- D. Các đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ

Câu 12: Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của Đồng bằng sông Cửu Long:

- A. Thấp, khá bằng phẳng
- B. Diện tích khoảng 40000 km²
- C. Có mạng lưới kênh rạch chằng chịt
- D. Có hệ thống đê điều ven sông

Câu 13: Miền núi là khu vực thuận lợi để phát triển du lịch vì:

- A. giao thông thuận lợi
- B. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng, phong phú
- C. Có nguồn nhân lực dồi dào cho ngành du lịch
- D. Khí hậu ổn định, ít thiên tai

Câu 14. So với diện tích cả nước, địa hình đồi núi thấp chiếm hơn:

- A. 70%
- B. 75%
- C. 80%
- D. 85%

Câu 15. Đặc điểm chung của vùng núi Trường Sơn Bắc là:

- A. có các cánh cung lớn mở rộng về phía Bắc và phía Đông

- B. địa hình cao nhất nước ta với các dãy núi hướng Tây bắc - Đông nam
- C. gồm các dãy núi song song và so le theo hướng Tây bắc - Đông nam
- D. gồm các khối núi và cao nguyên xếp tầng đất đỏ badan

Câu 16. Ý nào sau đây không phải là hậu quả của việc sử dụng đất và rừng không hợp lí ở miền núi nước ta:

- A. Làm cho địa hình bị chia cắt mạnh, lắm sông suối, hẻm vực
- B. Gây lũ lụt trong mùa mưa và hạn hán trong mùa khô
- C. Tăng cường quá trình xói mòn, rửa trôi đất
- D. Làm tăng diện tích đất trống, đồi núi trọc

Câu 17. Đặc điểm nào sau đây không đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung:

- A. Bề ngang hẹp
- B. Bị chia cắt thành nhiều đồng bằng nhỏ bởi các dãy núi
- C. Được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa sông
- D. Ven biển thường là dải cồn cát, đầm phá

Câu 18. Thiên tai bất thường, khó phòng tránh, gây hậu quả nặng nề cho vùng đồng bằng ven biển nước ta là:

- A. bão lớn kèm theo sóng lừng và nước dâng
- B. sạt lở bờ biển
- C. Cát bay, cát lấn
- D. động đất

Câu 19. Biển Đông nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa nên có đặc tính là

- A. độ muối không lớn
- B. nóng, ẩm
- C. có nhiều dòng hải lưu
- D. biển tương đối lớn

Câu 20. Ý kiến nào không đúng khi đánh giá về ảnh hưởng của biển Đông đối với khí hậu nước ta:

- A. làm cho độ ẩm không khí đạt trên 80%, lượng mưa trung bình đạt 1500mm/năm.
- B. làm giảm sự khô hạn trong mùa đông, làm dịu thời tiết nóng bức vào mùa hạ
- C. Làm cho khí hậu biển động phức tạp, thiên tai thường xuyên xảy ra
- D. Làm cho khí hậu mang tính chất hải dương, điều hòa hơn

Câu 21: Thiên tai thường gặp ở biển Đông là:

- A. động đất
- B. sóng thần

C. lốc xoáy

D. bão, áp thấp nhiệt đới

Câu 22. Hiện tượng cát bay xâm lấn đồng ruộng và làng mạc xảy ra mạnh mẽ nhất ở ven biển của:

A. Đồng bằng sông Hồng

B. Bắc Trung Bộ

C. Duyên hải Nam Trung Bộ

D. Đông Nam Bộ

Câu 23. Tính chất nhiệt đới của khí hậu nước ta được quy định bởi vị trí địa lí:

A. nằm trong vùng nội chí tuyến

B. tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.

C. Nằm ở bán cầu Bắc

D. Nằm ở bán cầu Đông

Câu 24. Nước ta có lượng mưa lớn, độ ẩm cao thể hiện ở mùa mưa trung bình:

A. Từ 1400 - 1800 mm/ năm, độ ẩm từ 80 - 100%

B. Từ 1500 - 2000 mm/ năm, độ ẩm từ 60 - 80%

C. Từ 1500 - 2000 mm/ năm, độ ẩm từ 80 - 100%

D. Từ 1800 - 2000 mm/ năm, độ ẩm từ 80 - 100%

Câu 25. ở nước ta, một số nơi lượng mưa có thể đạt tới 3500 - 4000 mm/ năm là do:

A. nằm sát biển

B. địa hình cao, sườn núi hướng về phía Bắc

C. là các lòng chảo trong miền núi

D. Địa hình cao, sườn núi đón gió ẩm từ biển

Câu 26: Ý kiến nào dưới đây không đúng với đặc điểm của gió mùa đông bắc?

A. Thổi vào nước ta theo hướng Đông bắc

B. Lạnh khô trong suốt mùa đông

C. Lạnh khô vào đầu mùa, cuối mùa lạnh ẩm

D. Hoạt động thành từng đợt, không liên tục

Câu 27. Vị trí địa lí của Việt Nam là:

A. Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương.

B. Nằm ở phía rìa Nam bán đảo Đông Dương

C. Không nằm ở bán đảo Đông Dương

D. Nằm ở rìa Tây của bán đảo Đông Dương

Câu 28. Vùng đất (Diện tích đất liền và các hải đảo) nước ta là:

- A. 330.212km²
- B. 331.212 km².
- C. 332.212 km².
- C. 333.212 km².

Câu 29. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích rừng nước ta trong giai đoạn 1943 - 2003 (Đơn vị: nghìn ha)

Loại đơn vị	Đơn vị: nghìn ha		
	1943	1993	2003
Năm	1943	1993	2003
Diện tích rừng tự nhiên	32,9	32,9	32,9
Tổng diện tích rừng	14	9,3	12,4
Trong đó: rừng giàu	9	0,6	0,6
Rừng nghèo	5	8,7	11,8
Các loại đất khác	19,1	23,8	20,5

Để vẽ biểu đồ thể hiện sự suy giảm số lượng và chất lượng rừng của nước ta từ 1943 - 2003, ta sẽ thể hiện bởi biểu đồ:

- A. Biểu đồ tròn
- B. Biểu đồ cột
- C. Biểu đồ đường biểu diễn (đồ thị)
- D. Biểu đồ miền

Câu 30. Núi cao trên 2000m chiếm bao nhiêu % diện tích đồi núi nước ta:

- A. 1%
- B. 5%
- C. 10%
- D. 15%

Câu 31. Cánh cung Sông Gâm thuộc vùng núi :

- A. vùng núi Đông Bắc
- B. vùng núi Tây Bắc
- C. vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 32. Giới hạn vùng núi nào nằm giữa sông Hồng và sông Cả:

- A. vùng núi Đông Bắc
- B. vùng núi Tây Bắc
- C. vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 33. Vùng núi nào mang đặc điểm thấp ở giữa và cao ở hai đầu:

- A. vùng núi Đông Bắc
- B. vùng núi Tây Bắc
- C. vùng núi Trường Sơn Bắc
- D. vùng núi Trường Sơn Nam

Câu 34: Cơ sở để tính phạm vi của Biển Đông thuộc Việt Nam từ đất liền tới đường cơ sở được gọi là vùng:

- A. Nội thủy
- B. Lãnh hải
- C. Tiếp giáp lãnh hải
- D. Đặc quyền kinh tế

Câu 35. Biểu hiện nào dưới đây không phải là biểu hiện của tính chất nhiệt đới:

- A. Tổng bức xạ lớn, cán cân bức xạ dương quanh năm.
- B. Nhiệt độ trung bình năm cao trên 20°C.
- C. Tổng số giờ nắng đạt 1.400 – 3.000 giờ/năm.
- D. Lượng mưa và độ ẩm lớn

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 3

1A	2C	3D	4C	5A	6C	7D	8C	9A	10B
11B	12D	13B	14D	15C	16A	17C	18A	19B	20C
21D	22C	23C	24D	25D	26B	27B	28B	29A	30A
31A	32B	33C	34A	35D					

4. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 4

TRƯỜNG THPT ĐINH TIÊN HOÀNG

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1 (2,5 điểm): Dựa vào Atlas địa lý Việt Nam và kiến thức đã học hãy:

- Xác định hệ tọa độ địa lý Việt Nam và cho biết tên các tỉnh thành ở nước ta có đường biên giới giáp với nước Trung Quốc và Lào?
- Là một công dân em có trách nhiệm gì đối với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam?

Câu 2 (2,0 điểm): Nêu đặc điểm chung của địa hình nước ta?

Câu 3 (2,5 điểm): Hãy so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long?

Câu 4 (3,0 điểm): Dựa vào bảng số liệu: Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành ở nước ta:

ĐV: %

Năm	2000	2010
Trồng trọt	78,2	73,4
Chăn nuôi	19,3	25,0
Dịch vụ nông nghiệp	2,5	1,6

- Hãy vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành ở nước ta?
- Qua biểu đồ nêu nhận xét?

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 4

Câu 1 (2,5 điểm)

a. Hệ tọa độ

- Vĩ độ:
 - ĐCB: 23°23'B: Xã Lũng cú- huyện Đồng Văn- Tỉnh Hà Giang
 - ĐCN: 8°34'B: Xã Đất mũi - huyện Ngọc Hiển – Tỉnh Cà Mau
- Kinh độ:
 - ĐCT 102°09' Đ: Xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé - tỉnh Điện Biên
 - ĐCD : 109°24'Đ: Xã Vạn Thạnh - Huyện Vạn Ninh - tỉnh Khánh Hòa

Kể tên các tỉnh:

- Giáp với Trung Quốc: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu
- Giáp Lào: Điện Biên, Sơn La, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Quảng Nam, Kon Tum

b. Là công dân Việt Nam cần phải có trách nhiệm: Bảo vệ chủ quyền biển đảo, tuyên truyền mọi người thân có trách nhiệm bảo vệ biển đảo, học tập tốt để mai sau góp phần xây dựng và phát triển đất nước.....

Câu 2 (2,0 điểm)

- Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp
 - Đồi núi thấp chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích, đồng bằng chiếm $\frac{1}{4}$
- Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng
 - Địa hình có sự phân bậc theo độ cao
 - Có 2 hướng chính: Tây bắc- đông nam và hướng vòng cung
- Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa
 - Quá trình xâm thực và bồi tụ diễn ra mạnh
- Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người
 - Tạo nhiều địa hình mới như ruộng bậc thang....

(Mỗi ý đúng 0,5 điểm. Nếu chỉ nêu 4 ý chính mà không nêu dẫn chứng trừ 0,5 điểm)

Câu 3 (2,5 điểm)

- Giống nhau

- Là đồng châu thổ rộng lớn
- Có thềm lục địa mở rộng ,vịnh biển nông
- Đất phù sa màu mỡ, địa hình bằng phẳng

(2/3 ý cho đủ 0,5 điểm)

- Khác nhau

Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long
<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 15000km² - Do sông Hồng và sông Thái Bình bồi tụ - Địa hình cao ở phía tây và tây bắc thấp dần ra biển - Có đê sông ngăn lũ 	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích: 40000km² - Do sông Tiền và sông Hậu bồi tụ - Địa hình thấp và bằng phẳng hơn - Không có đê ngăn lũ, có mạng lưới sông ngòi kênh rạch chằng chịt

Câu 4 (3,0 điểm)

a. Vẽ biểu đồ tròn: đẹp, chính xác, có tên biểu đồ, chú thích rõ ràng

b. Nhận xét:

- Cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp theo ngành ở nước ta từ năm 2000 - 2010 có xu hướng giảm tỉ trọng ngành trồng trọt và dịch vụ nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành chăn nuôi
- Tỉ trọng ngành trồng trọt giảm: 4,8%

- Tỷ trọng ngành chăn nuôi tăng: 5,7%
- Tỷ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp giảm: 0,9%

(Mỗi ý nhận xét 0,25 đ. Nếu học sinh không vẽ biểu đồ mà chỉ nêu nhận xét thì không chấm điểm)

5. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 5

TRƯỜNG THPT NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Đông Nam Á có truyền thống văn hóa phong phú, đa dạng là do

- A.** nằm ở nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa lớn.
- B.** có vị trí chính trị quan trọng trên trường quốc tế.
- C.** có dân số đông, nguồn lao động dồi dào giá rẻ.
- D.** nằm tiếp giáp giữa các đại dương lớn trên thế giới.

Câu 2: Cho bảng số liệu

SỐ DÂN THÀNH THỊ VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA ĐÔNG NAM Á
GIAI ĐOẠN 1955 - 2017

Năm	1955	1970	1985	2005	2017
Số dân thành thị (triệu người)	32,1	60,4	113,5	231,8	315,8
Tỉ lệ dân thành thị (%)	17,2	21,5	28,4	41,3	48,7

Để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị của Đông Nam Á giai đoạn 1955 - 2017, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A.** Kết hợp. **B.** Đường. **C.** Miền. **D.** Tròn.

Câu 3: Đông Nam Á tiếp giáp với hai đại dương nào sau đây?

- A.** Bắc Băng Dương và Ấn Độ Dương.
- B.** Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.
- C.** Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.
- D.** Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương.

Câu 4: Khó khăn lớn nhất về điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á trong phát triển kinh tế là

- A.** mùa khô hay bị thiếu nước ngọt.
- B.** thiên tai thường xuyên xảy ra.
- C.** đất đai nhiều nơi bị thoái hóa.
- D.** tài nguyên phân bố không tập trung.

Câu 5: Yếu tố nào sau đây **không phải** là nhân tố kết hợp với các nhân tố còn lại làm cho thiên nhiên nước ta phân hóa theo hướng Tây Đông?

- A. Địa hình nước ta cao ở phía Tây. . **B.** Ảnh hưởng của hướng núi.
C. Ảnh hưởng của gió mùa **D.** Ảnh hưởng của biển Đông.

Câu 6: Tính đa dạng sinh học của sinh vật biểu hiện ở:

- A.** Thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý
B. Số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
C. Giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
D. Số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý

Câu 7: Khu vực có thềm lục địa bị thu hẹp trên Biển Đông thuộc vùng

- A.** Bắc Trung Bộ. **B.** Vịnh Thái Lan. **C.** Vịnh Bắc Bộ. D. Nam Trung Bộ.

Câu 8: Nội dung chủ yếu của chiến lược quốc gia về bảo vệ tài nguyên và môi trường là

- A.** Đảm bảo việc khai thác tài nguyên thiên nhiên đi đôi với sự phát triển kinh tế - xã hội.
B. Duy trì hệ sinh thái và các quá trình sinh thái chủ yếu.
C. Phòng chống, khắc phục các thiên tai như bão, lũ lụt, hạn hán.
D. Phát triển dân số và tăng cường sử dụng các nguồn tài nguyên sạch.

Câu 9: Thiên nhiên nước ta có sự khác nhau giữa miền Nam và miền Bắc **không phải** do sự khác nhau về

- A. lượng mưa. **B.** số giờ nắng. **C.** lượng bức xạ. **D.** nhiệt độ trung bình.

Câu 10. Khô hạn kéo dài ở miền Bắc thường xảy ra ở những nơi

- A.** có các khối núi cao.
B. sườn núi đón gió biển.
C. đồng bằng ven biển.
D. thung lũng khuất gió.

Câu 11. Biện pháp tốt nhất để hạn chế tác hại do lũ quét là:

- A. bảo vệ tốt rừng đầu nguồn.
B. xây dựng các hồ chứa nước.
C. di dân ra khỏi vùng lũ quét
D. quy hoạch lại các điểm dân cư ở vùng cao

Câu 12. Có chế độ nước thất thường, lũ muộn chủ yếu vào mùa thu đông là đặc điểm của hệ thống sông miền:

- A.** Tây Bắc Bộ
B. Đông Bắc Bộ
C. Trung Bộ

D. Nam Bộ

Câu 13: Tính đa dạng sinh học của sinh vật biểu hiện ở.

- A. Thành phần loài có tính đa dạng, chất lượng và nhiều kiểu gen quý
- B. Số lượng thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
- C. Giàu thành phần loài, chất lượng hệ sinh thái và các nguồn gen quý
- D. Số lượng thành phần loài, các kiểu hệ sinh thái và các nguồn gen quý

Câu 14: Feralit là loại đất chính ở Việt Nam vì:

- A. Trong năm có hai mùa mưa và khô rõ rệt
- B. Có 3/4 diện tích đồi núi.
- C. Nước ta chủ yếu là vùng đồi núi thấp.
- D. Có khí hậu nhiệt đới ẩm

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Vùng có vùng biển rộng lớn ở phía đông
- B. Ở phía tây của vùng có đồi núi thấp.
- C. Tất cả các tỉnh trong vùng đều giáp biển
- D. Vùng có các đồng bằng rộng lớn ven biển.

Câu 16: Nhân tố nào sau đây **không phải** là yếu tố gây mưa nhiều cho Bắc Trung Bộ?

- A. có địa hình cao, đón gió.
- B. Tác động gió mùa và bão
- C. dải hội tụ nhiệt đới .
- D. Địa hình song song với hướng gió

Câu 17: Quá trình đô thị hoá của nước ta 1954 - 1975 có đặc điểm:

- A. Quá trình đô thị hoá bị chững lại do chiến tranh.
- B. Phát triển rất mạnh trên cả hai miền.
- C. Hai miền phát triển theo hai xu hướng khác nhau.
- D. Miền Bắc phát triển nhanh trong khi miền Nam bị chững lại.

Câu 18: Tỷ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn nước ta ngày càng tăng nhờ

- A. Chất lượng lao động ở nông thôn đã được nâng lên.
- C. Dân cư đang có xu hướng chuyển từ nông thôn lên thành thị.
- B. Việc thực hiện công nghiệp hoá nông thôn.
- D. Việc đa dạng hoá cơ cấu kinh tế ở nông thôn

Câu 19 . Kết cấu dân số trẻ của nước ta thể hiện rõ nét qua

- A. Cơ cấu lao động trong các ngành kinh tế.
- B. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi.
- C. Cơ cấu dân số theo các thành phần kinh tế
- D. Cơ cấu dân số theo giới tính.

Câu 20. Tình trạng di dân tự do trong những năm gần đây dẫn đến

- A. Bổ sung nguồn lao động kịp thời cho các vùng thưa dân.
- B. Suy giảm các nguồn tài nguyên, ô nhiễm môi trường,

- C. Khai thác hiệu quả tài nguyên đất.
- D. Phân bố lại dân cư và lao động trong cả nước.

Câu 21. Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng chịu tác động mạnh mẽ nhất của yếu tố :

- A. Nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ.
- B. Nguồn nguyên liệu và sự tiến bộ về kĩ thuật.
- C. Nguồn lao động và thị trường tiêu thụ.
- D. Nguồn nguyên liệu và nguồn lao động.

Câu 22 Nhân tố giữ vai trò quan trọng hàng đầu đối với sự phát triển mạnh mẽ công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng của nước ta trong những năm gần đây là :

- A. Nguồn nguyên liệu trong nước được cung cấp đầy đủ.
- B. Thị trường đã được mở rộng cả trong lẫn ngoài nước.
- C. Trình độ của người lao động đã được nâng lên rất nhiều.
- D. Nguồn lao động có tay nghề đã được đáp ứng đầy đủ.

Câu 23. Địa điểm du lịch nào ở Việt Nam được UNESCO bầu chọn vừa là di sản thiên nhiên vừa là di sản văn hóa thế giới?

- A. Phong Nha – Kẻ Bàng. B. Phố cổ Hội An. C. Tràng An. D. Vịnh Hạ Long.

Câu 24. Nguyên nhân nào sau đây làm cho đường sắt Việt Nam luôn lạc hậu so với thế giới?

- A. Do công nghệ quá lạc hậu, lại ít được đầu tư quan tâm.
- B. Do sự xuất hiện các phương tiện khác hiện đại hơn.
- C. Do nhu cầu đi lại của người dân suy giảm .
- D. Do năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp đường sắt yếu kém.

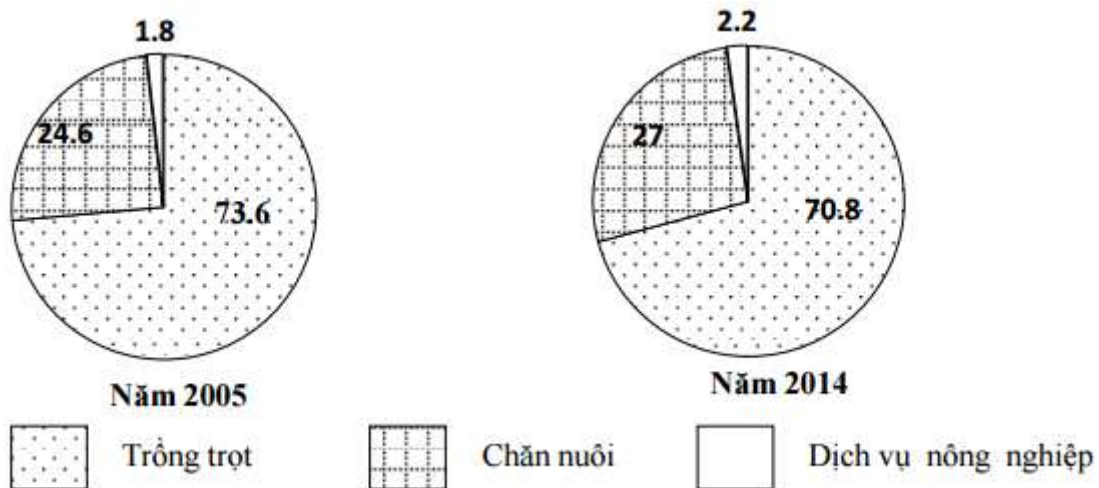
Câu 25. Căn cứ vào bản đồ chăn nuôi Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, hãy tính giá trị thực tế của ngành chăn nuôi gia súc năm 2007?

- A. 21 021,12 tỉ đồng. B. 57 812,14 tỉ đồng. C. 18 536,68 tỉ đồng. D. 45 285,47 tỉ đồng.

Câu 26. Cho biểu đồ sau:

CƠ CẤU GIÁ TRỊ SẢN XUẤT NGÀNH NÔNG NGHIỆP NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ 2014

(Đơn vị: %)



Căn cứ vào biểu đồ trên, hãy cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng?

- A. Tỷ trọng ngành trồng trọt có xu hướng giảm.
- B. Sự chuyển dịch cơ cấu diễn ra chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi.
- C. Dịch vụ nông nghiệp luôn chiếm tỷ trọng thấp nhất.
- D. Chăn nuôi có xu hướng tăng tỷ trọng.

Câu 27: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21 và trang 8, hãy cho biết ngành công nghiệp luyện kim đen của trung tâm công nghiệp Thái Nguyên phát triển dựa trên nguồn nguyên liệu tại chỗ đó là:

- A. than đá và bô xít.
- B. thiếc và mangan.
- C. than đá và quặng sắt.
- D. đồng và quặng sắt.

Câu 28: Điểm nào sau đây **không đúng** đối với việc khai thác tài nguyên sinh vật biển và hải đảo?

- A. Tránh khai thác quá mức nguồn lợi ven bờ.
- B. Tránh khai thác quá mức các đối tượng đánh bắt có giá trị kinh tế cao.
- C. Hạn chế việc đánh bắt xa bờ để tránh thiệt hại do bão gây ra.
- D. Cấm sử dụng các phương tiện đánh bắt có tính chất hủy diệt nguồn lợi.

Câu 29: Nền nông nghiệp nhiệt đới của nước ta **không phải** chủ yếu dựa vào:

- A. nguồn nước và tài nguyên sinh vật dồi dào
- B. người lao động có kinh nghiệm sản xuất nông lâm ngư nghiệp
- C. sự đa dạng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa
- D. tài nguyên đất và tài nguyên khí hậu phong phú

Câu 30: Trong điều kiện của nền kinh tế tự cung tự cấp, sản xuất nhỏ thì sự phân hóa lãnh thổ nông nghiệp bị chi phối chủ yếu bởi các điều kiện tự nhiên vì:

- A. các điều kiện kinh tế xã hội tác động mạnh đến sản xuất
- B. các điều kiện kinh tế xã hội còn chưa mạnh để tác động

C. các điều kiện tự nhiên có tính chất quyết định đến sản xuất

D. các điều kiện kinh tế xã hội không có tác động gì đến nông nghiệp

Câu 31: Công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm của Tây Nguyên đang được đẩy mạnh chủ yếu là nhờ:

A. việc tăng cường nguồn lao động về số lượng và chất lượng

B. việc tăng cường cơ sở hạ tầng và mở rộng thị trường

C. nền nông nghiệp hàng hóa của vùng phát triển mạnh

D. điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên thuận lợi

Câu 32. Khó khăn lớn nhất với việc nâng cao sản lượng lương thực ở vùng Đồng bằng sông Hồng là

A. khí hậu biến đổi thất thường.

B. diện tích canh tác ngày càng thu hẹp.

C. diện tích đất hoang hóa khó cải tạo lớn.

D. tốc độ đô thị cao.

Câu 33. So với các đồng bằng khác trong cả nước, trong sản xuất đồng bằng sông Hồng có thể mạnh độc đáo về

A. sản xuất rau quả ôn đới vào vụ đông xuân.

B. sản xuất và trồng lúa cao sản.

C. nuôi trồng thủy hải sản.

D. chăn nuôi đại gia súc và gia cầm.

Câu 34: Loại cây nào sau đây **không** phải là chuyên môn hóa sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên?

A. Cao su.

B. Chè.

C. Thuốc lá.

D. Cà phê.

Câu 32: Mùa mưa ở miền Trung đến muộn hơn so với cả nước do tác động của:

A. các dãy núi đâm ngang ra biển

B. Frông lạnh vào mùa thu đông

C. gió phơn Tây Nam khô nóng vào đầu mùa hạ

D. bão đến tương đối muộn so với miền Bắc

Câu 33: Vùng giàu tài nguyên khoáng sản bậc nhất nước ta là

A. Đồng bằng sông Cửu Long.

B. Đồng bằng sông Hồng.

C. Tây Nguyên.

D. Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Câu 34: Ở Tây Nguyên, các cao nguyên cao 400 – 500m khí hậu khá nóng thuận lợi nhất cho phát triển cây công nghiệp nào sau đây?

A. Cà phê vối.

B. Cà phê chè.

C. Quế.

D. Hồi.

Câu 35: Việc đẩy mạnh sản xuất cây công nghiệp và cây đặc sản ở Trung du và miền núi Bắc Bộ có tác động chủ yếu nào sau đây đối với phát triển kinh tế - xã hội?

A. Tăng cường xuất khẩu lao động.

B. Đẩy mạnh phát triển công nghiệp.

C. Mở rộng các hoạt động dịch vụ.

D. Phát triển nông nghiệp hàng hóa.

Câu 36: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với công nghiệp năng lượng của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A.** Tài nguyên nhiên liệu, năng lượng rất đa dạng và dồi dào.
- B.** Đã xây dựng một số nhà máy thủy điện quy mô trung bình.
- C.** Cơ sở điện chưa đáp ứng nhu cầu phát triển công nghiệp.
- D.** Sử dụng điện lưới quốc gia qua đường dây 500 kV.

Câu 37: Với diện tích gò đồi tương đối lớn, Bắc Trung Bộ có khả năng phát triển:

- A.** Kinh tế vườn rừng.
- B.** Trồng cây hoa màu lương thực, nuôi gia cầm.
- C.** Chăn nuôi gia súc lớn. Gia cầm
- D.** Trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc.

Câu 38. Để khắc phục hạn chế do mùa khô kéo dài, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, vấn đề quan trọng cần quan tâm ở Đông Nam Bộ là

- A.** Cải tạo đất, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- B.** Thủy lợi, thay đổi cơ cấu cây trồng.
- C.** Thay đổi cơ cấu cây trồng, chống xói mòn.
- D.** Áp dụng kĩ thuật canh tác tiên tiến, thủy lợi

Câu 39: Hướng chuyên môn sản xuất nông nghiệp nào sau đây không phải của vùng Đông Nam Bộ? :

- A.** Chăn nuôi gia cầm, bò sữa.
- B.** Cây công nghiệp lâu năm.
- C.** Đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản.
- D.** Trồng cây công nghiệp cận nhiệt, ôn đới.

Câu 40 . Hoạt động nội thương của nước ta từ thập niên 90 trở lại đây càng ngày càng nhộn nhịp là do:

- A.** Sự gia tăng các mặt hàng sản xuất
- B.** Thay đổi cơ chế quản lí
- C.** Tác động nhân tố thị trường quốc tế
- D.** Nhu cầu tiêu dùng của người dân ngày càng cao

6. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 6

TRƯỜNG THPT CHU VĂN AN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Khí hậu nước ta có tính chất nhiệt đới là do vị trí

- A. Tiếp giáp với vùng biển rộng lớn.
- B. Nằm ở bán cầu Bắc.
- C. Nằm ở bán cầu Đông.
- D. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

Câu 2: Miền núi nước ta có thuận lợi nào sau đây để phát triển du lịch?

- A. Giao thông thuận lợi.
- B. Khí hậu ổn định, ít thiên tai.
- C. Có nguồn nhân lực dồi dào.
- D. Cảnh quan thiên nhiên đa dạng, phong phú.

Câu 3: Gió phơn Tây Nam chủ yếu hoạt động ở khu vực

- A. Bắc Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc.
- B. Tây Nguyên.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Đồng bằng Nam Bộ và Tây Nguyên.

Câu 4: Địa hình nhiệt đới ẩm gió mùa của nước ta có những đặc điểm gì?

- A. Xâm thực mạnh ở đồi núi và bồi tụ nhanh ở đồng bằng.
- B. Cấu trúc địa hình khá đa dạng.
- C. Địa hình được vận động Tân kiến tạo làm trẻ lại.
- D. Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu đồi núi thấp

Câu 5: Đất mặn, đất phèn chiếm tới 2/3 diện tích tự nhiên của

- A. Các đồng bằng duyên hải Bắc Trung Bộ.
- B. Các đồng bằng duyên hải Nam Trung Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6: Cho bảng số liệu về diện tích cây công nghiệp lâu năm, hàng năm giai đoạn 1975 – 2005

(Đơn vị: Nghìn ha)

Năm	1975	1980	1995	2005
Cây công nghiệp hàng năm	210,1	371,7	716,7	861,5
Cây công nghiệp lâu năm	172,8	256,0	902,3	1633,6

Nhận xét nào sau đây không đúng

- A. Diện tích cây hàng năm tăng chậm hơn cây lâu năm
- B. Diện tích cây lâu năm ở năm 2005 ít hơn cây hàng năm
- C. Diện tích cây hàng năm ở năm 1975 và 1980 nhiều hơn cây lâu năm
- D. Diện tích cây lâu năm ở năm 1995 và 2005 nhiều hơn cây hàng năm

Câu 7: Cho bảng số liệu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu nước ta giai đoạn 1990 – 2005

(Đơn vị: Tỷ USD)

Năm	1990	1994	1998	2000	2005
Giá trị xuất khẩu	2,4	4,1	9,4	14,5	32,4
Giá trị nhập khẩu	2,8	5,8	11,5	15,6	36,8

Nhận xét nào sau đây đúng về giá trị xuất nhập khẩu của nước ta

- A. Giá trị xuất khẩu nhiều hơn giá trị nhập khẩu
- B. Giá trị xuất khẩu tăng chậm hơn giá trị nhập khẩu
- C. Giá trị xuất khẩu và nhập khẩu đều tăng
- D. Giá trị nhập khẩu ít hơn xuất khẩu

Câu 8: Địa hình chiếm 3/4 diện tích lãnh thổ nước ta là:

- A. Đồi núi thấp và đồng bằng. **B. Đồi núi.**
- C. Núi cao. D. Đồng bằng.

Câu 9: Trên lãnh thổ Việt Nam, số con sông có chiều dài $\geq 10\text{km}$ /sông là

- A. 2360. B. 2630. C. 3260. D. 3620.

Câu 10: Nét nổi bật của địa hình vùng núi Đông Bắc là:

- A. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích.
- B. Có địa hình cao nhất nước ta.
- C. Có 3 mạch núi lớn theo hướng tây bắc - đông nam.
- D. Gồm các dãy núi liên kề với các cao nguyên.

Câu 11: Quá trình xâm thực xảy ra mạnh mẽ ở những nơi có

- A. Địa hình cao, lượng mưa nhỏ.
- B. Địa hình thấp, lượng mưa lớn.
- C. Địa hình thấp, lượng mưa nhỏ.
- D. Địa hình cao, sườn dốc, lượng mưa lớn

Câu 12: Ở nước ta, gió Mậu dịch (tín phong) hoạt động mạnh trong thời gian:

- A. Suốt cả năm.
- B. Chuyển tiếp giữa 2 mùa gió (gió mùa mùa đông và gió mùa mùa hạ).**
- C. Từ tháng 5 đến tháng 10.
- D. Từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau.

Câu 13: Do ảnh hưởng của biển Đông nên khí hậu nước ta:

- A. Có 2 mùa rõ rệt.
- B. Khô nóng.
- C. Mang tính chất nhiệt đới gió mùa.
- D. Mang tính chất hải dương, điều hòa hơn.**

Câu 14: Hạn chế lớn nhất của biển Đông là:

- A. Chịu tác động của bão và gió mùa Đông Bắc.**
- B. Chịu ảnh hưởng của gió mùa Tây Nam và sóng lừng.
- C. Tài nguyên sinh vật đang bị suy giảm.
- D. Chịu ảnh hưởng sóng thần do hoạt động của động đất, núi lửa.

Câu 15: Một phần diện tích của đồng bằng Sông Hồng, không còn được phù sa bồi tụ hằng năm là do:

- A. Địa hình cao ở rìa phía tây và tây bắc, thấp dần ra biển.
- B. Bề mặt đồng bằng bị chia cắt thành nhiều ô.
- C. Được con người khai phá lâu đời và làm biến đổi mạnh.
- D. Có hệ thống đê ngăn lũ.

Câu 16: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta ảnh hưởng đến nhiều mặt của hoạt động sản xuất và đời sống, nhưng trực tiếp và rõ rệt nhất là:

- A. Hoạt động giao thông vận tải.
- B. Hoạt động sản xuất nông nghiệp.
- C. Hoạt động du lịch.
- D. Hoạt động sản xuất công nghiệp.

Câu 17: Cho bảng số liệu diện tích lúa cả năm phân theo vụ của nước ta
(đơn vị: Nghìn ha)

Năm	Lúa đông xuân	Lúa hè thu	Lúa thu đông
1990	2074	1216	2753
2005	2942	2349	2038

Biểu đồ thích hợp để thể hiện qui mô và cơ cấu diện tích lúa theo mùa vụ của nước ta là

- A. Biểu đồ tròn B. Biểu đồ miền C. Biểu đồ đường D. Biểu đồ cột

Câu 18: Địa hình núi cao hiểm trở nhất của nước ta tập trung ở:

- A. Vùng núi Trường Sơn Bắc.
- B. Vùng núi Trường Sơn Nam.
- C. Vùng núi Đông Bắc.
- D. Vùng núi Tây Bắc.

Câu 19: Gió mùa mùa đông ở miền Bắc nước ta có đặc điểm gì?

- A. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh ẩm.
- B. Hoạt động liên tục từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô.
- C. Hoạt động thành từng đợt từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau với thời tiết lạnh khô và lạnh ẩm.
- D. Hoạt động kéo dài suốt 6 tháng với nhiệt độ trung bình trên 25⁰C.

Câu 20: Khoáng sản có ý nghĩa quan trọng nhất ở Biển Đông nước ta là

- A. Vàng. B. Titan. C. Dầu mỏ. D. Sa khoáng.

Câu 21: Tính chất ẩm của khí hậu nước ta thể hiện ở:

- A. Lượng mưa từ 1000 – 1500 mm/năm, độ ẩm trên 90%.
- B. Lượng mưa từ 1800 – 2000 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.
- C. Lượng mưa từ 1500 – 2000 mm/năm, độ ẩm trên 80%.
- D. Lượng mưa từ 2000 – 2500 mm/năm, độ ẩm từ 60 – 80%.

Câu 22: Ở nước ta, những nơi có lượng mưa trung bình năm lên đến 3500 – 4000mm là:

- A. Vùng bán bình nguyên và đồi trung du.
- B. Các cao nguyên và dãy núi.
- C. Vùng đồng bằng ven biển.
- D. Những sườn đón gió biển.

Câu 23: Phần biển Đông thuộc chủ quyền của Việt Nam rộng khoảng

- A. 2 triệu km².
- B. 3 triệu km².
- C. 1 triệu km².
- D. 0,5 triệu km².

Câu 24: Lãnh thổ Việt Nam là khối thống nhất và toàn vẹn, bao gồm:

- A. Vùng đất, hải đảo, thềm lục địa.
- B. Vùng đất, vùng biển, vùng núi.
- C. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.
- D. Vùng đất liền, hải đảo, vùng trời.

Câu 25: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 – 5, hãy cho biết có bao nhiêu tỉnh tiếp giáp trên đất liền với Trung Quốc?

- A. 7.
- B. 5.
- C. 8.
- D. 6.

Câu 26: Đặc điểm nào sau đây không đúng với vị trí địa lí của nước ta?

- A. Vừa gắn liền với lục địa Á - Âu, vừa tiếp giáp với biển Đông và thông ra Thái Bình Dương rộng lớn.
- B. Trên đất liền và trên biển, tiếp giáp với Trung Quốc và tất cả các nước của khu vực Đông Nam Á.
- C. Nằm ở rìa phía đông của bán đảo Đông Dương, gần trung tâm khu vực Đông Nam Á.
- D. Có kinh tuyến 105⁰Đ chạy qua nên đại bộ phận lãnh thổ nằm trong múi giờ múi giờ số 7.

Câu 27: Thế mạnh lớn nhất của khu vực đồi núi nước ta là:

- A. Khí hậu mát mẻ.
- B. Khoáng sản phong phú, đa dạng.
- C. Phát triển giao thông.
- D. Phát triển du lịch.

Câu 28: Điểm cực Bắc của nước ta (23⁰23'B) nằm ở:

- A. Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- B. Xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên.
- C. Xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.
- D. Xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Câu 29: Quá trình hình thành đất chủ yếu ở Việt Nam là

- A. Quá trình rửa trôi các chất ba dơ dễ tan Ca²⁺, K²⁺, Mg²⁺.
- B. Quá trình hình thành đá ong.
- C. Quá trình feralit.
- D. Quá trình tích tụ mùn trên núi.

Câu 30: Cảnh quan tiêu biểu cho thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là

- A. Hệ sinh thái rừng rậm thường xanh quanh năm.
- B. Hệ sinh thái rừng ngập mặn cho năng suất sinh học cao.

- C. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới khô lá rộng và xa van, bụi gai nhiệt đới.
D. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm gió mùa phát triển trên đất feralit.

Câu 31: Phần đất liền nước ta nằm trong hệ tọa độ địa lí

- A. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}24'D$.
B. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}24'D$.
C. $23^{\circ}20'B$ - $8^{\circ}30'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}24'D$.
D. $23^{\circ}23'B$ - $8^{\circ}34'B$ và $102^{\circ}09'D$ - $109^{\circ}20'D$.

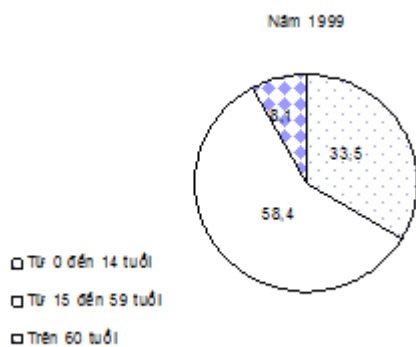
Câu 32: Hướng tây bắc - đông nam của địa hình nước ta thể hiện rõ rệt nhất ở:

- A. Vùng núi Đông Bắc và vùng núi Tây Bắc.
B. Vùng núi Tây Bắc và Trường Sơn Bắc.
C. Vùng núi Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.
D. Vùng núi Trường Sơn Nam và Đông Bắc.

Câu 33: Tỷ lệ diện tích địa hình núi cao trên 2000m ở nước ta so với diện tích toàn bộ lãnh thổ chiếm khoảng

- A. 25% B. 3% C. 75% D. 1%

Câu 34: Cho biểu đồ



Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây

- A. Tốc độ gia tăng dân số nước ta
B. Cơ cấu dân số theo nhóm tuổi
C. Qui mô dân số nước ta
D. Chuyển dịch cơ cấu dân số nước ta

Câu 35: Vào đầu mùa hạ, gió mùa Tây Nam ở nước ta gây mưa cho vùng:

- A. Phía nam đèo Hải Vân.
B. Nam Bộ.
C. Trên phạm vi cả nước
D. Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 36: Với chiều dài 2100Km là chiều dài biên giới trên đất liền giữa Việt Nam với:

- A. Campuchia. B. Lào.
C. Trung Quốc. D. Các nước trên bán đảo Đông Dương.

Câu 37: Cho bảng số liệu về tình hình dân số Việt Nam giai đoạn 2000 – 2007

Năm	2000	2002	2004	2006	2007
Số dân (triệu người)	77,6	79,3	82,0	84,2	85,2
Tỉ lệ GTDS (%)	1,36	1,32	1,40	1,26	1,23

Biểu đồ thích hợp để thể hiện số dân và tỉ lệ gia tăng dân số Việt Nam giai đoạn 2000 - 2007 là

- A. Biểu đồ cột B. Biểu đồ tròn
C. Biểu đồ kết hợp cột đường D. Biểu đồ đường

Câu 38: Ở nước ta, nghề làm muối phát triển mạnh tại:

- A. Sa Huỳnh (Quảng Ngãi).
B. Mũi Nai (Kiên Giang).
C. Cửa Lò (Nghệ An).
D. Thuận An (Thừa Thiên Huế).

Câu 39: Ý nào sau đây không phải là đặc điểm của dải đồng bằng duyên hải miền Trung?

- A. Diện tích khoảng 40 nghìn km²
B. Đồng bằng phần nhiều hẹp ngang và bị chia cắt.
C. Đất nghèo, nhiều cát, ít phù sa sông.
D. Được hình thành chủ yếu bởi phù sa biển.

Câu 40: Dãy Bạch Mã là:

- A. Dãy núi bắt đầu của hệ núi Trường Sơn Nam.
B. Dãy núi làm ranh giới giữa Tây Bắc và Đông Bắc.
C. Dãy núi cao nhất nước ta
D. Dãy núi ở cực Nam Trung Bộ, nằm chên vịnh giữa đồng bằng hẹp.

7. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 7

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU HUÂN

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp theo thành phần kinh tế (Đơn vị %)

Thành phần kinh tế	Năm 1999	Năm 2008
Nhà nước	39,9	18,5
Ngoài Nhà nước	22,0	37,1

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	38,1	44,4
----------------------------------	------	------

a. Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008 (2,0 điểm)

b. Nêu nhận xét sự chuyển dịch cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp phân theo thành phần kinh tế của nước ta năm 1999 và năm 2008 (1,0 điểm)

Câu 2: Trình bày đặc điểm chung của địa hình nước ta? (2,0 điểm)

Câu 3: Nêu những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta. (2,0 điểm)

Câu 4: Dựa vào Atlas địa lí Việt Nam và kiến thức đã học em hãy:

Trình bày đặc điểm vùng núi Đông Bắc? (1,0 điểm)

Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long? (1,0 điểm).

Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế nước ta? (1,0 điểm)

Học sinh được sử dụng Atlas địa lí Việt Nam

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 7

Câu 1:

a. Vẽ 2 biểu đồ hình tròn bán kính năm biểu đồ năm 1999 < năm 2008. (thiếu chú thích, tên, số liệu, năm...-0,25 đ/ý) (2,0đ)

b. Nhận xét: (Mỗi ý 0,25đ)

- Từ năm 1999-2008, giá trị sản xuất công nghiệp của thành phần kinh tế của nước ta có sự thay đổi và chuyển biến theo hướng tích cực:
- Tỷ trọng thành phần kinh tế nhà nước có xu hướng giảm dần (giảm 21,4%)
- Tỷ trọng thành phần kinh tế ngoài nhà nước tăng mạnh năm 1999 (tăng 15,1%).
- Kế tiếp tỷ trọng thành phần kinh tế khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng chậm (tăng 6,3%).

Câu 2:

Đặc điểm chung của địa hình nước ta

ĐH đồi núi chiếm phần lớn diện tích nhưng chủ yếu là đồi núi thấp (0,25đ)

- Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi cao chỉ có 1%. (0,25đ)
- Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích-đồi núi 3/4 diện tích. (0,25đ)

Cấu trúc địa hình nước ta khá đa dạng (0,25đ)

- Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam (0,25đ)
- Cấu trúc địa hình gồm 2 hướng chính: (0,25đ)
 - Hướng TB - ĐN: vùng Tây Bắc và Trường Sơn Bắc (0,25đ)
 - Hướng vòng cung: Vùng núi đông bắc và Trường Sơn Nam (0,25đ)

Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa (0,25đ)

Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người (0,25đ)

Câu 3:

Những thế mạnh và hạn chế của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

Thế mạnh:

- Thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới đa dạng, với nhiều loại nông sản có giá trị xuất khẩu cao. (0,5đ)
- Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: thủy sản, khoáng sản, lâm sản. (0,5đ)
- Thuận lợi cho phát triển nơi cư trú của dân cư, phát triển các thành phố, khu công nghiệp... (0,25đ)
- Phát triển GTVT đường bộ, đường sông. (0,5đ)

Hạn chế: Bão, lũ lụt, hạn hán... thường xảy ra, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. (0,5đ)

Câu 4:

Trình bày đặc điểm của vùng núi Đông Bắc:

- Giới hạn: Nằm phía Đông thung lũng sông Hồng. (0,25đ)
- Địa hình: chủ yếu là đồi núi thấp. (0,25đ)
- Hướng núi: vòng cung (4 cánh cung lớn mở rộng về phía bắc và đông chụm lại ở Tam Đảo) (0,25đ)
- Hướng nghiêng: Tây Bắc- Đông Nam (0,25đ)

Kể tên các mỏ dầu đang khai thác ở bể Cửu Long: Hồng Ngọc, Rồng, Bạch Hổ, Rạng Đông (1,0đ)

Nêu phạm vi và ý nghĩa của lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế

- Lãnh hải: Phạm vi: từ đường cơ sở ra 12 hải lí. (0,25đ)
- Ý nghĩa: là vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, ranh giới của lãnh hải chính là đường biên giới quốc gia trên biển. (0,25đ)
- Vùng đặc quyền kinh tế:
 - Phạm vi: là vùng biển rộng 200 hải lí tính từ đường cơ sở. (0,25đ)
 - Ý nghĩa: Ở vùng này nước ta có chủ quyền hoàn toàn về kinh tế... (0,25đ)

8. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 8

TRƯỜNG THPT HOÀNG HOA THÁM

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Đặc điểm nào sau đây không phải là đặc điểm của địa hình nước ta:

- A. Đồi núi chiếm $\frac{3}{4}$ diện tích cả nước.
- B. Đồi núi thấp chiếm gần 60% diện tích cả nước.
- C. Đồng bằng chiếm $\frac{2}{3}$ diện tích.
- D. Địa hình có sự phân hóa đa dạng thành nhiều khu vực

Câu 2: Địa hình cao ở rìa phía Tây, Tây Bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô là đặc điểm địa hình của:

- A. Đồng bằng ven biển miền Trung.
- B. Đồng bằng sông Cửu Long.
- C. Đồng bằng sông Hồng.
- D. Đồng bằng Nam Bộ

Câu 3: Ảnh hưởng nào sau đây không phải của thiên nhiên khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên như thủy sản, lâm sản, khoáng sản.
- B. Là cơ sở để phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng hóa cây trồng.
- C. Là điều kiện thuận lợi để tập trung các khu công nghiệp, thành phố.
- D. Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày.

Câu 4: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Tây Bắc là:

- A. Gồm các khối núi và cao nguyên.
- B. Có bốn cánh cung lớn chụm đầu ở Tam Đảo.
- C. Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất nước ta.
- D. Địa hình thấp và hẹp ngang.

Câu 5: Sự khác nhau rõ nét của vùng núi Trường Sơn Nam so Trường Sơn Bắc với là:

- A. Địa hình cao hơn.
- B. Tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét hơn.
- C. Hướng núi vòng cung.
- D. Vùng núi gồm các khối núi và cao nguyên

Câu 6: Đường biên giới quốc gia trên biển là đường:

- A. nối liền các đảo ven bờ và các mũi đất dọc bờ biển.
- B. song song với đường cơ sở, cách đường cơ sở 12 hải lí về phía biển.
- C. xác định chủ quyền với diện tích vùng biển rộng hơn 1 triệu km².
- D. có ranh giới ngoài cùng chạy theo phía ngoài vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 7: Ý nghĩa văn hóa – xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là:

- A. Tạo điều kiện mở cửa, hội nhập, tận dụng các nguồn lực từ bên ngoài.
- B. chung sống hòa bình, hợp tác hữu nghị cùng phát triển với các nước.
- C. giao lưu quốc tế bằng đường biển, đường hàng không, đường bộ.
- D. mở lối ra biển thuận lợi cho khu vực Lào, Thái Lan, Cam Pu Chia.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, hãy cho biết các cao nguyên từ dãy Bạch Mã trở vào Nam theo thứ tự là:

- A. Trường Sơn Nam, Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên.
- B. Trường Sơn Nam, Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh.
- C. Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Di Linh, Lâm Viên.
- D. Kon Tum, PleiKu, Đăk Lăk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực tây thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Lào Cai.
- B. Sơn La.
- C. Điện Biên.
- D. Lai Châu.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết trong các đỉnh núi sau đỉnh núi nào cao nhất?

- A. Ngọc Kringh.
- B. Ngọc Linh.
- C. Kon Ka Kinh.
- D. Vọng Phu.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có:

- A. đầy đủ ba đai cao khí hậu ở địa hình miền núi.
- B. đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển.
- C. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- D. hướng núi và thung lũng nổi bật là vòng cung.

Câu 12: Ở đai ôn đới gió mùa trên núi, nhiệt độ về mùa đông xuống dưới (°C):

- A. 3. B. 4. C. 5. D. 6.

Câu 13: Ở độ cao từ 1.600m đến 1.700m có:

- A. rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim.
- B. rêu, địa y phù kín thân, cành cây.
- C. nhiều chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc.

D. nhiều loài thú có lông dày như gấu, sóc,...

Câu 14: So với miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ, miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có:

- A. ảnh hưởng giảm sút hơn của gió mùa Đông Bắc.
- B. tính chất nhiệt đới giảm dần.
- C. nhiều loài thực vật cận xích đạo hơn.
- D. đồng bằng mở rộng hơn.

Câu 15: Địa hình bờ biển của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ đa dạng, biểu hiện là:

- A. có nhiều vịnh, đảo, quần đảo, nơi thấp phẳng.
- B. vùng biển có đáy nông, nhưng vẫn có vịnh nước sâu.
- C. có vịnh Bắc Bộ với nhiều đảo.
- D. có vịnh Hạ Long và vịnh Bắc Bộ.

Câu 16: Nhận xét nào sau đây không đúng với hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh trong đai nhiệt đới gió mùa?

- A. Rừng có cấu trúc nhiều tầng với 3 tầng cây gỗ.
- B. Phần lớn là các loài cây nhiệt đới xanh quanh năm.
- C. Giới động vật nhiệt đới trong rừng đa dạng và phong phú.
- D. Không có thực vật, động vật cận nhiệt và ôn đới.

Câu 17: Càng về phía Nam nước ta thì:

- A. Nhiệt độ trung bình năm càng tăng.
- D. Biên độ nhiệt năm càng tăng.
- B. Nhiệt độ trung bình tháng lạnh càng giảm.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng nóng càng giảm.

Câu 18: Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là:

- A. Đới rừng gió mùa cận xích đạo
- B. Đới rừng nhiệt đới gió mùa
- C. Đới rừng xích đạo
- D. Đới rừng nhiệt đới

Câu 19: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI HÀ NỘI

(Đơn vị: °C)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII

Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7
----------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

Nhiệt độ trung bình năm của Hà Nội là

- A. 27,1°C. B. 25,1°C. C. 21,5°C. D. 23,5°C.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, cho biết ranh giới tự nhiên của hai miền Nam-Bắc của nước ta là dãy núi nào sau đây?

- A. Dãy Trường Sơn. B. Dãy Ngọc Linh.
C. Dãy Hoàng Sơn. D. Dãy Bạch Mã.

Câu 21: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi:

- A. diện tích rừng ít nhất cả nước.
B. có sắt, crôm, titan, thiếc...
C. không có các cồn cát ven biển.
D. ít bão, lũ, hạn hán xảy ra.

Câu 22: Nhiệt độ quanh năm ở đai ôn đới gió mùa là dưới (°C):

- A. 13. B. 14. C. 15. D. 16.

Câu 23: Ở độ cao từ 1.600m đến 1.700m có:

- A. rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim.
B. rêu, địa y phù kín thân, cành cây.
C. nhiều chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc.
D. nhiều loài thú có lông dày như gấu, sóc,...

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây về địa hình không đúng với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam.
B. Dải đồng bằng thu hẹp.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
D. Các dãy núi xen kẽ với thung lũng sông.

Câu 25: Nhận xét nào sau đây không đúng với thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đai cao nhiệt đới hạ thấp.
B. Có nhiều loài thực vật phương Bắc.
C. Cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa.
D. Khí hậu cận nhiệt đới biểu hiện phổ biến.

Câu 26: Nhận xét nào sau đây không đúng với thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

- A. Đai cao nhiệt đới hạ thấp.

- B. Có nhiều loài thực vật phương Bắc.
- C. Cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa.
- D. Khí hậu cận nhiệt đới biểu hiện phổ biến.

Câu 27: Đất ở đai nhiệt đới gió mùa bao gồm:

- A. đất vùng đồi núi thấp và đất đồng bằng.
- B. đất đồng bằng và đất vùng núi cao.
- C. đất vùng đồi núi cao và đất ven biển.
- D. đất ven biển và đất vùng đồi núi thấp.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu phần phía Nam lãnh thổ?

- A. Quanh năm nóng.
- B. Mùa khô có mưa phùn.
- C. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.
- D. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt

Câu 29: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: °C

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7

Nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh là

- A. 23,5 °C.
- B. 21,5 °C.
- C. 27,1 °C.
- D. 25,1 °C.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?

- A. Tây Nguyên.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. Tây Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 8

Câu 1: Địa hình nước ta chủ yếu là đồi núi nhưng chủ yếu là đồi núi thấp: Địa hình cao dưới 1000m chiếm 85%, núi trung bình 14%, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích cả nước. Đồng bằng chỉ chiếm 1/4 diện tích đất đai.

Chọn: C.

Câu 2: Đồng bằng sông Hồng rộng khoảng 15 nghìn km². Địa hình cao ở rìa phía Tây, Tây Bắc, thấp dần ra biển và bị chia cắt thành nhiều ô.

Chọn: C.

Câu 3: Địa bàn thuận lợi để phát triển tập trung cây công nghiệp dài ngày là lợi thế của khu vực đồi núi.

Chọn: D.

Câu 4: Nét nổi bật nhất của địa hình vùng núi Tây Bắc so với các vùng núi khác ở nước ta là Có nhiều dãy núi cao và đồ sộ nhất.

Chọn: C.

Câu 5: Sự khác nhau rõ nét giữa vùng núi Trường Sơn Nam so với vùng núi Trường Sơn Bắc nghĩa là chỉ ra đặc điểm Trường Sơn Nam có mà Trường Sơn Bắc không có. Trường Sơn Nam có sườn tây thoải, sườn đông dốc đứng → Tính bất đối xứng giữa hai sườn rõ nét hơn Trường Sơn Bắc.

Chọn: B.

Câu 6: Đường biên giới quốc gia trên biển của nước ta được xác định bởi ranh giới của lãnh hải: các đường song song cách đều đường cơ sở 12 hải lí về phía biển và đường phân định trên các vịnh với các nước hữu quan. (SGK Địa lí 12 CB, trang 15).

Chọn: B.

Câu 7: Ý nghĩa văn hóa – xã hội của vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ nước ta là: Thuận lợi cho nước ta chung sống hoà bình, hợp tác hữu nghị và cùng phát triển với các nước láng giềng và các nước trong khu vực Đông Nam Á.

Chọn: B.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, xác định vị trí các cao nguyên theo thứ tự từ Bắc vào Nam. Thứ tự đúng là: Kon Tum, PleiKu, Đắk Lắk, Mơ Nông, Lâm Viên, Di Linh.

Chọn: D.

Câu 9: Điểm cực Tây: tại xã Sín Thầu, huyện Mường Nhé, tỉnh Điện Biên, với vĩ độ 22°22'B, kinh độ 102°09'Đ.

Chọn: C.

Câu 10: Đỉnh Ngọc Kring cao 2025m. Ngọc Linh: 2598m. Kon Ka Kinh: 1761m. Vọng Phu: 2051m

Chọn: B.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng nghiêng chủ yếu là Tây Bắc – Đông Nam, là nơi có địa hình cao nhất nước ta và cũng là nơi duy nhất có đầy đủ ba đai cao khí hậu ở địa hình miền núi.

Chọn: A.

Câu 12: Ở đai ôn đới gió mùa trên núi, nhiệt độ về mùa đông xuống dưới 5°C, có những thời kì nhiệt độ còn xuống dưới 0°C.

Chọn: C.

Câu 13: Ở nước ta, từ độ cao trên 1.600m rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài. Rêu, địa y phủ kín thân, cành cây và trong rừng có mặt các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

Chọn: B.

Câu 14: Do có dãy núi Himalaya chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam chắn gió mùa đông Bắc nên ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ ít chịu ảnh hưởng của gió mùa đông Bắc hơn ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ.

Chọn: A.

Câu 15: Địa hình bờ biển miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là có nhiều vịnh, đảo, quần đảo, nơi thấp phẳng. Đây là nơi có nhiều đảo nhất nước ta.

Chọn: A.

Câu 16: Hệ sinh thái rừng nhiệt đới ẩm lá rộng thường xanh trong đai nhiệt đới gió mùa có động thực vật rất đa dạng và phong phú, phần lớn các loài cây nhiệt đới xanh quanh năm và có cấu trúc nhiều tầng với 3 tầng cây gỗ.

Chọn: D.

Câu 17: Phía Nam gần xích đạo hơn nên càng về phía Nam thì nhiệt độ trung bình năm càng tăng.

Chọn: A.

Câu 18: Cảnh quan tiêu biểu của phần lãnh thổ phía Bắc là: Đới rừng nhiệt đới gió mùa.

Chọn: B.

Câu 19: Cách tính nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Chọn: B.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, ta thấy ranh giới tự nhiên của hai miền Nam-Bắc của nước ta là dãy núi Bạch Mã.

Chọn: D.

Câu 21: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiều loại khoáng sản như sắt, crôm, titan, thiếc,...

Chọn: B.

Câu 22: Nhiệt độ quanh năm ở đai ôn đới gió mùa là luôn dưới 15°C.

Chọn: C.

Câu 23: Ở nước ta, từ độ cao trên 1.600m rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài. Rêu, địa y phủ kín thân, cành cây và trong rừng có mặt các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

Chọn: B.

Câu 24: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là miền có địa hình cao nhất cả nước với các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam xen kẽ với các thung lũng sông và có dải đồng bằng nhỏ hẹp. Có một số lòng chảo như Mường Thanh, Mường Lò,...

Chọn: C.

Câu 25: Đây là miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông Bắc nên đai cao nhiệt đới hạ thấp hơn so với các miền khác, có nhiều loài thực vật phương Bắc và cảnh quan luôn có sự thay đổi theo mùa.

Chọn: D.

Câu 26: Đây là miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông Bắc nên đai cao nhiệt đới hạ thấp hơn so với các miền khác, có nhiều loài thực vật phương Bắc và cảnh quan luôn có sự thay đổi theo mùa.

Chọn: D.

Câu 27: Đất ở đai nhiệt đới gió mùa bao gồm đất ở vùng đồng bằng và ở vùng đồi núi thấp.

Chọn: A.

Câu 28: Khí hậu phần phía Nam lãnh thổ (từ 16°B trở vào) không có mưa phùn.

Chọn: B.

Câu 29: Cách tính nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Chọn: C.

Câu 30: Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão (từ 1,3 – 1,7 cơn bão/tháng) là Bắc Trung Bộ

Chọn: D.

9. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG
TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1
MÔN ĐỊA LÍ 12
NĂM HỌC 2020 – 2021
Thời gian: 45 phút

Câu 1: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có:

- A. Địa hình đồi núi cao nhất cả nước.
- B. đồng bằng châu thổ mở rộng về phía biển.
- C. địa hình đồi núi thấp chiếm ưu thế.
- D. hướng núi và thung lũng nổi bật là vòng cung.

Câu 2: Đai ôn đới gió mùa trên núi ở độ cao trên (m):

- A. 2500. B. 2600. C. 2700. D. 2800.

Câu 3: Rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài là đặc điểm của hệ sinh thái ở độ cao:

- A. dưới 600 - 700m.
- B. dưới 900 - 1.000m.
- C. từ 700 đến 1.600 - 1.700m.
- D. trên 1.600 - 1.700m.

Câu 4: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là nơi:

- A. có mối quan hệ với Vân Nam (Trung Quốc) về cấu trúc địa chất - kiến tạo.
- B. có địa hình núi cao, núi trung bình chiếm ưu thế.
- C. chịu tác động mạnh nhất của gió mùa Đông Bắc.
- D. tính chất nhiệt đới tăng dần với sự có mặt của thực vật phương nam.

Câu 5: Trở ngại lớn trong sử dụng tự nhiên của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là:

- A. nhịp điệu mùa khí hậu thất thường, thời tiết không ổn định.
- B. nhịp điệu dòng chảy sông ngòi thất thường, nhiều thiên tai.
- C. nhiều thiên tai, nhiều hiện tượng thời tiết cực đoan.
- D. Địa hình hiểm trở, động đất.

Câu 6: Loại nào sau đây không phải là hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa phát triển trên các loại thổ nhưỡng đặc biệt?

- A. Rừng thường xanh trên đá vôi.
- B. Rừng cận nhiệt lá kim.
- C. Rừng ngập mặn trên đất mặn ven biển.
- D. Rừng tràm trên đất phèn.

Câu 7: Đặc trưng khí hậu của vùng lãnh thổ phía bắc là:

- A. Nhiệt đới gió mùa có mùa đông lạnh.
- B. Cận nhiệt gió mùa có mùa đông lạnh.
- C. Cận xích đạo gió mùa.
- D. Nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Câu 8: Điểm nào sau đây không đúng với thiên nhiên vùng biển và thềm lục địa nước ta .

- A. Vùng biển lớn gấp 3 lần diện tích đất liền.
- B. Thềm lục địa phía bắc và phía nam có đáy nông mở rộng.
- C. Đường bờ biển Nam Trung Bộ bằng phẳng.
- D. Thềm lục địa miền trung thu hẹp tiếp giáp với vùng biển nước sâu.

Câu 9: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA LẠNG SƠN

Đơn vị: °C

Địa điểm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lạng Sơn	13,3	14,3	18,2	22,1	23,3	26,9	27,0	26,6	25,2	22,6	18,3	14,3

Nhiệt độ trung bình năm của Lạng Sơn là:

A. 13,7°C. B. 21,4°C. C. 21,0°C. D. 24,4°C.

Câu 10: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, hãy cho biết nhận xét nào sau đây không đúng về chế độ nhiệt ở nước ta?

- A. Nhiệt độ trung bình năm chủ yếu trên 20°C.
- B. Nhiệt độ trung bình năm tăng dần từ Bắc vào Nam.
- C. Nhiệt độ trung bình năm giảm dần từ Bắc vào Nam.
- D. Nhiệt độ trung bình năm có sự phân hóa theo không gian.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi:

- A. diện tích rừng ít nhất cả nước.
- B. mưa vào thu đông và gió fơn.
- C. không có các cồn cát ven biển.
- D. ít bão, lũ, hạn hán xảy ra.

Câu 12: Đại nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc có độ cao lên đến:

- A. 500 – 600m.
- B. 600 – 700m.
- C. 700 – 800m.
- D. 800 – 900m.

Câu 13: Ở độ cao nào sau đây, trong rừng xuất hiện các loài cây ôn đới và các loài chim thuộc khu hệ Himalaya?

- A. Trên 900 - 1.000m.
- B. Dưới 1.000 - 1.600m.
- C. Trên 1.600 - 1.700m.
- D. Dưới 1.600 - 1.700m.

Câu 14: Trở ngại lớn nhất trong việc sử dụng tự nhiên của miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là:

- A. thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô.
- B. khí hậu thất thường, thời tiết không ổn định.

- C. nạn cát bay, cát nhảy lấn chiếm đồng ruộng.
D. bão lũ, trượt lở đất, hạn hán diễn ra thường xuyên.

Câu 15: Đặc điểm nào sau đây về địa hình không đúng với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

- A. Các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam.
B. Dải đồng bằng thu hẹp.
C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.
D. Các dãy núi xen kẽ với thung lũng sông.

Câu 16: Đất vùng đồi núi thấp của đai nhiệt đới gió mùa chủ yếu là nhóm đất:

- A. phù sa.
B. xám bạc màu.
C. đất feralit.
D. đất núi đá.

Câu 17: Tác động của gió mùa Đông Bắc mạnh nhất ở:

- A. Tây Bắc
B. Đông bắc
C. Bắc Trung Bộ
D. Nam bộ

Câu 18: Động vật nào sau đây không tiêu biểu cho phần phía nam lãnh thổ nước ta:

- A. Thú lớn (voi, hổ, báo)
B. Thú có lông dày (gấu, chồn...)
C. Thú có nguồn gốc từ Mã lai - Ấnô nêxia
D. Trăn, rắn cá sấu

Câu 19: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG CỦA LAI CHÂU

Đơn vị: °C

Địa điểm	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Lai Châu	17,2	18,0	21,3	24,6	24,5	26,5	26,5	26,6	26,1	23,7	20,6	17,7

Biên độ nhiệt độ trung bình năm của Lai Châu là

- A. 27,2°C. B. 22, 7°C. C. 12,5°C. D. 23,3°C.

Câu 20: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về chế độ nhiệt của Lạng Sơn so với Nha Trang?

- A. Biên độ nhiệt độ trung bình năm nhỏ hơn.
- B. Nhiệt độ trung bình năm cao hơn.
- C. Nhiệt độ trung bình tháng VII cao hơn.
- D. Nhiệt độ trung bình tháng I thấp hơn.

Câu 21: Thế mạnh đặc trưng của khu vực đồi núi nước ta đối với sự phát triển kinh tế xã hội là:

- A. Có nhiều khoáng sản.
- B. Có nhiều đồng cỏ.
- C. Có khí hậu mát mẻ.
- D. Có nguồn thủy năng dồi dào.

Câu 22: Hình thái của đồng bằng sông Hồng có đặc điểm:

- A. Cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển.
- B. Cao ở rìa phía Đông, ở giữa thấp trũng.
- C. thường xuyên bị ngập nước vào mùa lũ.
- D. Bề mặt đồng bằng không có đê.

Câu 23: Trong vùng núi Đông bắc những đỉnh núi cao > 2000m thường tập trung ở:

- A. biên giới Việt – Trung thuộc Cao Bằng, Lạng Sơn.
- B. trong cánh cung: Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm.
- C. thượng nguồn Sông Chảy.
- D. ven biển Hạ Long

Câu 24: Đặc điểm không đúng với dải đồng bằng ven biển miền Trung?

- A. bề ngang hẹp
- B. bị chia cắt
- C. bồi đắp chủ yếu bởi phù sa sông.
- D. ven biển thường là các cồn cát, đầm, phá

Câu 25: Đồi núi nước ta có tính phân bậc vì:

- A. trong giai đoạn tân sinh nhiều lần biển tiến, biển thoái.
- B. trong giai đoạn cổ kiến tạo có nhiều vận động tạo núi khác nhau.
- C. trong giai đoạn tân sinh vận động nâng lên hạ xuống diễn ra theo từng đợt.
- D. do các quá trình phong hóa mạnh yếu theo từng thời kì.

Câu 26: Khu vực phía tây của vùng núi Tây Bắc có phạm vi:

- A. từ Khoan La San đến Sông Cả.

- B. dọc biên giới Việt – Trung.
- C. từ Phong Thổ đến Mộc Châu.
- D. từ biên giới Việt - Trung đến khủy sông Đà.

Câu 27: Ngăn cách giữa Trường Sơn bắc và Trường Sơn nam là:

- A. dãy Tam Điệp.
- B. dãy Hoàng sơn.
- C. dãy Tây Thừa thiên.
- D. dãy Bạch Mã.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết các cao nguyên của vùng núi Tây Bắc xếp theo thứ tự Bắc xuống Nam lần lượt là:

- A. Tà Phình, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu
- B. Sín Chải, Tà Phình, Mộc Châu, Sơn La
- C. Sơn La, Mộc Châu, Tà Phình, Sín Chải
- D. Mộc Châu, Sơn La, Sín Chải, Tà Phình

Câu 29: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực Bắc thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Lào Cai. B. Hà Giang. C. Điện Biên. D. Lai Châu.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, đỉnh núi có độ cao nhất ở vùng núi Trường Sơn Nam là:

- A. Kon Ka Kinh.
- B. Lang Biang.
- C. Chư Yang Sin.
- D. Ngọc Linh.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 9

Câu 1: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có hướng nghiêng chủ yếu là Tây Bắc – Đông Nam, là nơi có địa hình cao nhất nước ta và cũng là nơi duy nhất có đầy đủ ba đai cao khí hậu ở địa hình miền núi.

Chọn: A.

Câu 2: Đai ôn đới gió mùa trên núi, có độ cao trên 2.600m và chỉ có ở vùng Tây Bắc nơi có địa hình cao nhất nước ta.

Chọn: B.

Câu 3: Ở nước ta, từ độ cao trên 1.600m rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài. Rêu, địa y phủ kín thân, cành cây.

Chọn: D.

Câu 4: miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là nơi chịu ảnh hưởng mạnh nhất của gió mùa đông Bắc khi thổi vào nước ta. Đây là miền đón những đợt gió đông Bắc đầu tiên và cũng là miền đón những đợt gió đông Bắc cuối cùng ở nước ta.

Chọn: C.

Câu 5: Trở ngại lớn nhất khi sử dụng tự nhiên ở miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có địa hình cao hiểm trở và cũng là nơi thường xảy ra động đất ở nước ta.

Chọn: D.

Câu 6: Hệ sinh thái rừng lá kim chỉ phát triển mạnh ở vùng có khí hậu ôn đới và ở nước ta, rừng lá kim phát triển ở đai ôn đới gió mùa trên núi.

Chọn: B.

Câu 7: Đặc trưng khí hậu của vùng lãnh thổ phía bắc là có khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh.

Chọn: D.

Câu 8: Đường bờ biển Nam Trung Bộ nước ta khúc khuỷu nhiều vũng vịnh.

Chọn: D.

Câu 9: Cách tính nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Chọn: C.

Câu 10: Nhiệt độ trung bình năm nước ta tăng dần từ Bắc vào Nam

Chọn: C.

Câu 11: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi có mưa vào thu đông và là khu vực chịu ảnh hưởng mạnh mẽ của gió fơn.

Chọn: B.

Câu 12: Đai nhiệt đới gió mùa ở miền Bắc có độ cao trung bình dưới 600 – 700m. Ở miền Nam lên đến độ cao 900 – 1000m.

Chọn: B.

Câu 13: Ở nước ta, từ độ cao trên 1.600m bắt đầu xuất hiện các loại cây ôn đới và các loài chim thuộc khu hệ Himalaya.

Chọn: C.

Câu 14: Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là miền đón những đợt gió đông Bắc đầu tiên và cũng là miền đón những đợt gió đông Bắc cuối cùng ở nước ta. Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ có khí hậu thất thường và thời tiết không ổn định nhất trong cả ba miền.

Chọn: B.

Câu 15: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là miền có địa hình cao nhất cả nước với các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam xen kẽ với các thung lũng sông và có dải đồng bằng nhỏ hẹp. Có một số lòng chảo như Mường Thanh, Mường Lò,...

Chọn: C.

Câu 16: Đất ở vùng đồi núi thấp của đai nhiệt đới gió mùa chiếm hơn 60% diện tích đất tự nhiên của cả nước và chủ yếu là đất feralit.

Chọn: C.

Câu 17: Do có địa hình cánh cung nên đông bắc là nơi chịu tác động mạnh mẽ của gió mùa đông bắc.

Chọn: B.

Câu 18: Do đặc điểm khí hậu nóng (cận xích đạo) nên phần lãnh thổ phía nam không có thú có lông dày (gấu, chồn...)

Chọn: B.

Câu 19: Cách tính nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Chọn: B.

Câu 20: Nhiệt độ trung bình tháng VII của Lạng Sơn cao hơn Nha Trang.

Chọn: C.

Câu 21: Các phương án đưa ra đều là thế mạnh của vùng đồi núi đối với sự phát triển kinh tế xã hội. Trong đó, thế mạnh đặc trưng của khu vực đồi núi nước ta là: Các dòng sông ở miền núi có tiềm năng thủy điện lớn.

Chọn: D.

Câu 22: Hình thái của đồng bằng sông Hồng có đặc điểm: Cao ở rìa phía Tây và Tây Bắc, thấp dần ra biển.

Chọn: A.

Câu 23: Vùng núi Đông Bắc: Những đỉnh núi cao trên 2000m nằm ở thượng nguồn sông Chảy. Phía biên giới Việt – Trung như Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn là các khối núi đá vôi (trên 1000m). Trung tâm là đồi núi thấp, cao trung bình 500-600m.

Chọn: C.

Câu 24: dải đồng bằng ven biển miền Trung được bồi đắp chủ yếu bởi phù sa biển.

Chọn: C.

Câu 25: Đồi núi nước ta có tính phân bậc vì: trong giai đoạn tân sinh vận động nâng lên hạ xuống diễn ra theo từng đợt. Trong giai đoạn tân kiến tạo nước ta chịu tác động của các vận động nâng lên nhiều đợt với cường độ khác nhau nên tạo nên các dạng địa hình có độ cao không giống nhau.

Chọn: C.

Câu 26: Khu vực phía tây của vùng núi Tây Bắc có phạm vi: dọc biên giới Việt – Trung bao gồm các dãy núi có độ cao trung bình như Pu Đen Đinh Pu Sam Sao.

Chọn: B.

Câu 27: Giới hạn: Ngăn cách giữa Trường Sơn bắc và Trường Sơn nam là dãy Bạch Mã chạy theo hướng đông – tây đâm sọt ra biển.

Chọn: D.

Câu 28: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, xác định vị trí các cao nguyên theo thứ tự từ Bắc vào Nam. Thứ tự đúng là: Tà Phình, Sín Chải, Sơn La, Mộc Châu.

Chọn: A.

Câu 29: Điểm cực Bắc: tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang, với vĩ độ $23^{\circ}23'B$, kinh độ $105^{\circ}20'E$.

Chọn: B.

Câu 30: Đỉnh Ngọc Kring cao 2025m. Ngọc Linh: 2598m. Kon Ka Kinh: 1761m. Vọng Phu: 2051m

Chọn: D.

10. Đề thi giữa HK1 môn Địa lí 12 – Số 10

TRƯỜNG THPT HÀM NGHI

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1

MÔN ĐỊA LÍ 12

NĂM HỌC 2020 – 2021

Thời gian: 45 phút

Câu 1: Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn những vùng khác chủ yếu là do:

- A. Phần lớn diện tích là đồi núi thấp.
- B. Có nhiều đỉnh núi cao và sơn nguyên giáp biên giới Việt Trung.
- C. Các dãy núi có hướng vòng cung, mở rộng về phía Bắc, quy tụ ở Tam Đảo.
- D. Có hướng nghiêng từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

Câu 2: Nhận định nào sau đây không đúng về thế mạnh tự nhiên của khu vực đồng bằng đối với phát triển kinh tế - xã hội?

- A. Là cơ sở phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng nông sản.
- B. Cung cấp các nguồn lợi thiên nhiên khác như: khoáng sản, thủy sản,...
- C. Nguồn thủy năng dồi dào, khoáng sản phong phú, đa dạng.
- D. Phát triển giao thông vận tải đường bộ, đường sông.

Câu 3: Địa hình cao nhất của nước ta được phân bố chủ yếu ở khu vực

- A. Đông Bắc
- B. Tây Bắc
- C. Bắc Trung Bộ
- D. Tây Nguyên

Câu 4: Vùng có địa hình chủ yếu là bán bình nguyên của nước ta:

- A. Tây nguyên.
- B. Bắc Trung Bộ.

C. Đồng bằng sông Hồng.

D. Đông Nam Bộ

Câu 5: Hệ thống núi ở Bắc Trường sơn có đặc điểm:

A. Gồm các dãy núi song song, so le, thấp, hẹp ngang, nâng cao ở 2 đầu.

B. Gồm các dãy núi cao và trung bình nằm kẹp các sơn nguyên đá vôi hùng vĩ.

C. Các khối núi nghiêng dần về phía đông, nhiều dãy núi cao nằm sát biển.

D. Chạy dài từ biên giới Việt-Trung đến dãy Bạch mã.

Câu 6: Nước ta có vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á nên:

A. khí hậu có hai mùa rõ rệt.

B. có nhiều tài nguyên sinh vật quý giá.

C. thảm thực vật bốn mùa xanh tốt.

D. có nhiều tài nguyên khoáng sản.

Câu 7: Toàn bộ phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, đó là vùng:

A. lãnh hải.

B. nội thủy.

C. thềm lục địa.

D. tiếp giáp lãnh hải.

Câu 8: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực Đông thuộc tỉnh nào của nước ta?

A. Khánh Hòa.

B. Ninh Thuận.

C. Đà Nẵng.

D. Bình Định.

Câu 9: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 6 - 7, hãy cho biết hướng Tây Bắc – Đông Nam là hướng của dãy núi nào dưới đây?

A. Dãy Trường Sơn Nam.

B. Dãy Bạch Mã.

C. Dãy Đông Triều.

D. Dãy Hoàng Liên Sơn.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, đi từ Tây sang Đông ở vùng núi Đông Bắc lần lượt là các cánh cung:

A. Đông Triều, Bắc Sơn, Ngân Sơn, Sông Gâm

- B. Ngân Sơn, Sông Gâm, Đông Triều, Bắc Sơn
- C. Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều
- D. Bắc Sơn, Đông Triều, Sông Gâm, Ngân Sơn

Câu 11: Địa hình với địa thế cao ở hai đầu, thấp ở giữa là đặc điểm của vùng núi:

- A. Trường Sơn Bắc.
- B. Tây Bắc.
- C. Đông Bắc.
- D. Trường Sơn Nam

Câu 12: Đặc điểm nào đúng với địa hình vùng núi Đông Bắc?

- A. Cao nhất nước ta
- B. Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích
- C. Hướng Tây Bắc-Đông Nam
- D. Có nhiều cao nguyên xếp tầng

Câu 13: Đây là đặc điểm của cao nguyên Đồng Văn, Mộc Châu, Sơn La:

- A. cấu tạo chủ yếu là ba zan.
- B. cấu tạo chủ yếu là phù sa cổ.
- C. có độ cao trên 800m.
- D. cấu tạo chủ yếu bởi đá vôi.

Câu 14: Theo quan điểm địa kinh tế thì vị trí địa lí nước ta có đặc điểm là:

- A. nằm ở phía đông bán đảo Đông Dương.
- B. nằm ở khu vực phát triển năng động của thế giới.
- C. nằm trong khu vực nội chí tuyến.
- D. nằm trong vùng có nhiều thiên tai.

Câu 15: Điểm giống nhau giữa đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long là:

- A. có hệ thống đê ngăn lũ.
- B. có địa hình thấp và bằng phẳng.
- C. hình thành trên vùng sụt lún của hạ lưu sông.
- D. có hệ thống kênh rạch chằng chịt

Câu 16: Các nhánh núi đâm ra sát biển, có nhiều đoạn bờ biển khúc khuỷu, nhiều mũi đất và đèo là đặc điểm của:

- A. khu vực núi Đông bắc
- B. khu vực núi Tây bắc
- C. khu vực núi Trường sơn bắc

D. Duyên hải miền Trung

Câu 17: Đường biên giới trên đất liền của nước ta phần lớn nằm ở

- A. khu vực miền núi.
- B. khu vực cao nguyên.
- C. khu vực đồng bằng.
- D. khu vực trung du.

Câu 18: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, hãy cho biết điểm cực Nam thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Kiên Giang.
- B. Bạc Liêu.
- C. Cà Mau.
- D. Ninh Thuận.

Câu 19: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, hãy cho biết các dãy núi thuộc vùng núi Tây Bắc?

- A. Pu Đen Đinh, Pu sam sao.
- B. Tây Côn Lĩnh, Kiều Liêu Ti.
- C. Pu Si Lung, Hoàng Sơn.
- D. Khoan La San, Bạch Mã.

Câu 20: Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi cao nhất dãy Trường Sơn Nam?

- A. Ngọc Linh.
- B. Bi Duop
- C. Lang Bi Ang.
- D. Chư Yang Sin

Câu 21: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là nơi:

- A. diện tích rừng ít nhất cả nước.
- B. có sắt, crôm, titan, thiếc...
- C. không có các cồn cát ven biển.
- D. ít bão, lũ, hạn hán xảy ra.

Câu 22: Nhiệt độ quanh năm ở đai ôn đới gió mùa là dưới (°C):

- A. 13. B. 14. C. 15. D. 16.

Câu 23: Ở độ cao từ 1.600m đến 1.700m có:

- A. rừng cận nhiệt lá rộng và lá kim.
- B. rêu, địa y phù kín thân, cành cây.

C. nhiều chim, thú cận nhiệt đới phương Bắc.

D. nhiều loài thú có lông dày như gấu, sóc,...

Câu 24: Đặc điểm nào sau đây về địa hình không đúng với miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ?

A. Các dãy núi có hướng tây bắc - đông nam.

B. Dải đồng bằng thu hẹp.

C. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.

D. Các dãy núi xen kẽ với thung lũng sông.

Câu 25: Nhận xét nào sau đây không đúng với thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Đai cao nhiệt đới hạ thấp.

B. Có nhiều loài thực vật phương Bắc.

C. Cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa.

D. Khí hậu cận nhiệt đới biểu hiện phổ biến.

Câu 26: Nhận xét nào sau đây không đúng với thiên nhiên miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ?

A. Đai cao nhiệt đới hạ thấp.

B. Có nhiều loài thực vật phương Bắc.

C. Cảnh quan thiên nhiên thay đổi theo mùa.

D. Khí hậu cận nhiệt đới biểu hiện phổ biến.

Câu 27: Đất ở đai nhiệt đới gió mùa bao gồm:

A. đất vùng đồi núi thấp và đất đồng bằng.

B. đất đồng bằng và đất vùng núi cao.

C. đất vùng đồi núi cao và đất ven biển.

D. đất ven biển và đất vùng đồi núi thấp.

Câu 28: Đặc điểm nào sau đây không đúng với khí hậu phần phía Nam lãnh thổ?

A. Quanh năm nóng.

B. Mùa khô có mưa phùn.

C. Không có tháng nào nhiệt độ dưới 20°C.

D. Có 2 mùa mưa và khô rõ rệt

Câu 29: Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ TRUNG BÌNH CÁC THÁNG TẠI TP.HỒ CHÍ MINH

Đơn vị: °C

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII

Nhiệt độ	25,8	26,7	27,9	28,9	28,3	27,5	27,1	27,1	26,8	26,7	26,4	25,7
----------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

Nhiệt độ trung bình năm của TP. Hồ Chí Minh là

A. 23,5 °C. B. 21,5 °C. C. 27,1 °C. D. 25,1 °C.

Câu 30: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng nào sau đây ở nước ta chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão?

- A. Tây Nguyên.
- B. Nam Trung Bộ.
- C. Tây Bắc Bộ.
- D. Bắc Trung Bộ.

ĐÁP ÁN ĐỀ THI GIỮA HKI – SỐ 10

Câu 1: Do có các cánh cung đầu mở rộng về phía Bắc, quy tụ ở phía Tam Đảo có tác động hút gió mùa đông bắc nên mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn.

Chọn: C.

Câu 2: Nguồn thủy năng dồi dào, khoáng sản phong phú, đa dạng là thế mạnh của vùng đồi núi.

Chọn: C.

Câu 3: Khu vực Tây Bắc là khu vực có địa hình cao nhất nước ta.

Chọn: B.

Câu 4: Vùng có địa hình chủ yếu là bán bình nguyên của nước ta là Đông Nam Bộ

Chọn: D.

Câu 5: Hệ thống núi ở Bắc Trường Sơn: Giới hạn: Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã. Hướng Tây Bắc - Đông Nam. Các dãy núi song song, so le nhau dài nhất, cao ở hai đầu, thấp ở giữa. Các vùng núi đá vôi (Quảng Bình, Quảng Trị).

Chọn: A.

Câu 6: Vị trí nằm hoàn toàn trong vùng nhiệt đới ở bán cầu Bắc, trong khu vực ảnh hưởng của chế độ gió Mậu dịch và gió mùa châu Á nên khí hậu nước ta mang tính chất nhiệt đới chịu ảnh hưởng của 2 gió mùa → khí hậu có hai mùa rõ rệt.

Chọn: A.

Câu 7: Toàn bộ phần ngầm dưới biển và lòng đất dưới đáy biển thuộc phần lục địa kéo dài, mở rộng ra ngoài lãnh hải cho đến bờ ngoài của rìa lục địa, có độ sâu khoảng 200m hoặc hơn nữa, đó là vùng thềm lục địa.

Chọn: C.

Câu 8: Điểm cực Đông: tại xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hoà, với vĩ độ 12°40', kinh độ 109°24'Đ.

Chọn: A.

Câu 9: Dãy Trường Sơn Nam, Đông Triều có hướng vòng cung. Dãy Bạch Mã hướng tây – đông. Dãy Dãy Trường Sơn Nam hướng Tây Bắc – Đông Nam.

Chọn: D.

Câu 10: Dựa vào Atlas Địa Lí Việt Nam trang 13, xác định các cánh cung. Đi từ Tây sang Đông ở vùng núi Đông Bắc lần lượt là các cánh cung: Sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

Chọn: B.

Câu 11: Địa hình với địa thế cao ở hai đầu, thấp ở giữa là đặc điểm của vùng núi: Trường Sơn Bắc.

Chọn: A.

Câu 12: Đồi núi thấp chiếm phần lớn diện tích vùng núi Đông Bắc.

Chọn: B.

Câu 13: đặc điểm của cao nguyên Đồng Văn, Mộc Châu, Sơn La là cấu tạo chủ yếu bởi đá vôi.

Chọn: D.

Câu 14: Theo quan điểm địa kinh tế thì vị trí địa lí nước ta có đặc điểm là: nằm ở khu vực phát triển năng động của thế giới. ý A, C, D là

Chọn: B.

Câu 15: Điểm giống nhau giữa đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng Sông Cửu Long là đều là đồng bằng châu thổ, có địa hình thấp và bằng phẳng.

Chọn: B.

Câu 16: Duyên hải miền Trung có các nhánh núi đâm ra sát biển, có nhiều đoạn bờ biển khúc khuỷu, nhiều mũi đất và đèo.

Chọn: D.

Câu 17: Đường biên giới trên đất liền của nước ta phần lớn nằm ở khu vực miền núi.

Chọn: A.

Câu 18: Điểm cực Nam: tại xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, với vĩ độ 8°34'B, kinh độ 104°40'Đ.

Chọn: C.

Câu 19: Pu Đen Đinh, Pu sam sao là 2 dãy núi thuộc vùng Tây Bắc (tiếp giáp biên giới Việt Lào).

Chọn: A.

Câu 20: Đỉnh Bi Duop cao 2287m. Ngọc Linh: 2598m. Chư Yang Sin: 2405m. Langbian: 2167m

Chọn: A.

Câu 21: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiều loại khoáng sản như sắt, crôm, titan, thiếc,...

Chọn: B.

Câu 22: Nhiệt độ quanh năm ở đai ôn đới gió mùa là luôn dưới 15°C.

Chọn: C.

Câu 23: Ở nước ta, từ độ cao trên 1.600m rừng phát triển kém, đơn giản về thành phần loài. Rêu, địa y phủ kín thân, cành cây và trong rừng có mặt các loài chim di cư thuộc khu hệ Himalaya.

Chọn: B.

Câu 24: Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ là miền có địa hình cao nhất cả nước với các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam xen kẽ với các thung lũng sông và có dải đồng bằng nhỏ hẹp. Có một số lòng chảo như Mường Thanh, Mường Lò,...

Chọn: C.

Câu 25: Đây là miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông Bắc nên đai cao nhiệt đới hạ thấp hơn so với các miền khác, có nhiều loài thực vật phương Bắc và cảnh quan luôn có sự thay đổi theo mùa.

Chọn: D.

Câu 26: Đây là miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ chịu ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa đông Bắc nên đai cao nhiệt đới hạ thấp hơn so với các miền khác, có nhiều loài thực vật phương Bắc và cảnh quan luôn có sự thay đổi theo mùa.

Chọn: D.

Câu 27: Đất ở đai nhiệt đới gió mùa bao gồm đất ở vùng đồng bằng và ở vùng đồi núi thấp.

Chọn: A.

Câu 28: Khí hậu phần phía Nam lãnh thổ (từ 16°B trở vào) không có mưa phùn.

Chọn: B.

Câu 29: Cách tính nhiệt độ trung bình năm = Tổng nhiệt độ 12 tháng/12

Chọn: C.

Câu 30: Vùng chịu ảnh hưởng mạnh nhất của bão (từ 1,3 – 1,7 cơn bão/tháng) là Bắc Trung Bộ

Chọn: D.